

BÁO CÁO

THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

Đề Tài: Quy Trình Xử Lý Chứng Từ Hàng Thực Phẩm Xuất Khẩu Tại Công Ty TNHH Tân Đảo

Sinh viên thực hiện

: Nguyễn Quốc Minh

Lớp

: NT171

Mã số sinh viên

: 2171207

Đơn vị thực tập

: Công Ty TNHH Tân Đảo

Thời gian thực tập

: Từ 14/09/2020 đến 26/12/2020

Giảng viên hướng dẫn

: Nguyễn Ngọc Thuý

CAM KẾT

“Tôi đã đọc và hiểu và các hành vi vi phạm liêm chính học thuật. Tôi cam kết bằng danh dự cá nhân rằng bài làm này do tôi tự thực hiện và không vi phạm về liêm chính học thuật.”

Ngày _____ tháng _____ năm _____

(Họ tên và chữ ký của sinh viên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA SEN
KHOA KINH TẾ & QUẢN TRỊ

BÁO CÁO

THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

Đề Tài: Quy Trình Xử Lý Chứng Từ Hàng Thực Phẩm Xuất Khẩu Tại Công Ty TNHH Tân Đảo

Sinh viên thực hiện	: Nguyễn Quốc Minh
Lớp	: NT171
Mã số sinh viên	: 2171207
Đơn vị thực tập	: Công Ty TNHH Tân Đảo
Thời gian thực tập	: Từ 14/09/2020 đến 26/12/2020
Giảng viên hướng dẫn	: Nguyễn Ngọc Thuý

Tp.HCM, tháng 12, năm 2020

MỤC LỤC

1	CAM KẾT	3
2	MỤC LỤC.....	vi
3	LỜI CẢM ƠN	viii
4	DANH MỤC HÌNH ẢNH, BẢNG BIỂU.....	xi
5	DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	13
6	PHẦN MỞ ĐẦU.....	1
1	CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY TNHH TÂN ĐÀO.....	3
1.1	Tổng quan về công ty	3
1.1.1	Thông tin chung	3
1.1.2	Lịch sử hình thành và phát triển	3
1.2	Sơ đồ tổ chức và chức năng các phòng ban.....	5
1.2.1	Sơ đồ tổ chức của công ty	5
1.2.2	Chức năng nhiệm vụ của từng phòng ban	5
1.2.3	Bộ phận thực tập	8
1.2.4	Nhiệm vụ của nhân viên khai báo hải quan	9
1.3	Tình hình doanh thu, lợi nhuận của công ty trong giai đoạn 2017-2019	10
2	CHƯƠNG 2: TỔNG QUAN LÝ THUYẾT LIÊN QUAN ĐẾN QUY TRÌNH THÔNG QUAN HÀNG XUẤT.....	12
2.1	Các chứng từ trong hoạt động xuất khẩu.....	12
2.1.1	Hợp đồng Ngoại thương (Sale Contract).....	12
2.1.2	Vận đơn đường biển (Bill of lading)	13
2.1.3	Hóa đơn thương mại (Commercial Invoice).....	14
2.1.4	Phiếu đóng gói (Packing list).....	15
2.1.5	Tờ khai Hải quan	15
2.1.6	Chứng nhận kiểm dịch thực vật	16
2.1.7	Chứng nhận xuất xứ (Certificate of Origin)	17
2.2	Các khái niệm liên quan khác.....	18
2.2.1	Thời gian miễn phí sử dụng containers (Freetime).....	18
2.2.2	Empty release order	19
2.2.3	Closing time	20

2.3	Quy trình thực hiện công việc theo lý thuyết	20
2.3.1	Nhận và kiểm tra đối chiếu thông tin chứng từ của khách hàng	20
2.3.2	Khai hải quan điện tử.....	21
2.3.3	Đăng ký kiểm dịch thực vật.....	21
2.3.4	Phối hợp với bộ phận làm thủ tục hải quan để thông quan hàng hóa	
	21	
3	CHƯƠNG 3: MÔ TẢ QUY TRÌNH XỬ LÝ CHỨNG TỪ HÀNG XUẤT TẠI CÔNG TY TNHH TÂN ĐẢO	22
3.1	Giới thiệu sơ lược về lô hàng xuất tại công ty.....	22
3.2	Quy trình xử lý chứng từ hàng xuất tại công ty.....	23
3.2.1	Khai báo hải quan điện tử	23
3.2.2	Xử lý chứng từ xin cấp C/O form B	36
3.2.3	Xử lý chứng từ xin cấp Phyto	47
4	CHƯƠNG 4: NHẬN XÉT VÀ CÁC KHUYẾN NGHỊ	55
4.1	Nhận xét về quy trình	55
4.1.1	Những thuận lợi trong quy trình xử lý chứng từ hàng xuất tại công ty	55
4.1.2	Những tồn tại và khó khăn trong quy trình xử lý chứng từ hàng xuất tại công ty	56
4.2	Các khuyến nghị	56
4.2.1	Đẩy mạnh các hoạt động marketing	57
4.2.2	Nâng cao chất lượng dịch vụ	58
4.2.3	Nâng cấp đội ngũ nhân viên:	59
5	KẾT LUẬN	62
6	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	64

LỜI CẢM ƠN

Lời đầu tiên tôi xin chân thành gửi lời cảm ơn đến trưởng phòng xuất nhập khẩu Công ty TNHH Tân Đảo đã cho tôi có cơ hội được trải nghiệm và làm việc, với quy trình và cách thức vận hành chuyên nghiệp, năng động. Đặc biệt, tôi xin gửi làm cảm ơn đến các anh, chị trong phòng ban chứng từ đã tận tình hỗ trợ và giúp đỡ, tạo điều kiện cho tôi được tham gia thực tập tại công ty thông qua các quy trình thực tế, từ đó hiểu sâu hơn về kiến thức được học tại trường.

Bên cạnh đó, tôi không quên gửi lời cảm ơn đến cô Nguyễn Ngọc Thúy, giảng viên đã hướng dẫn tôi trong khóa thực tập tốt nghiệp này. Chính nhờ những lời khuyên hữu ích, sự chia sẻ kinh nghiệm cũng như kiến thức chuyên môn cần thiết, và sự tận tình giúp đỡ của cô đã giúp hoàn thiện báo cáo của tôi cách hiệu quả.

Cuối cùng, tôi xin chân thành cảm ơn ban giám hiệu Đại học Hoa Sen và toàn thể giảng viên khoa Kinh tế - Quản trị, đã tạo điều kiện cho sinh viên chúng tôi được tiếp xúc với môi trường thực tiễn, thông qua đó áp dụng và phát huy kiến thức cũng như khả năng của mình, từ đó tiến tới hoàn thiện bản thân.

Do thời gian còn hạn chế nên bài báo cáo không tránh khỏi những thiếu sót, tôi sẽ học tập từ những thiếu sót đó thông qua sự góp ý từ thầy cô giảng viên và các anh chị trong công ty, chuẩn bị cho hành trang làm việc sau này.

NHẬN XÉT CỦA ĐƠN VỊ THỰC TẬP

TP. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2020

Thủ trưởng đơn vị ký tên

NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN

TP. Hồ Chí Minh, ngày.... tháng....năm 2020

Giảng viên hướng dẫn ký tên

DANH MỤC HÌNH ẢNH, BẢNG BIỂU

Bảng 1.1: Bảng thông tin chung của công ty TNHH Tân Đảo.....	3
Bảng 1.2: Tình hình kinh doanh Công ty TNHH Tân Đảo trong giai đoạn năm 2017-2019.....	10
Bảng 1.3: Bảng chênh lệch doanh thu, chi phí của Công ty TNHH Tân Đảo trong giai đoạn năm 2017-2019	10

Hình 1.1: Sơ đồ tổ chức của công ty	5
Hình 1.2: Sơ đồ tổ chức bộ phận thực tập	9
Hình 2.1: Quy trình thực hiện công việc theo lý thuyết.....	20
Hình 3.1: Sơ đồ quy trình xử lý chứng từ hàng xuất	22
Hình 3.2: Giao diện phần mềm ECUS VNACCS.....	24
Hình 3.3: Cửa sổ “Chọn doanh nghiệp khai báo”	25
Hình 3.4: Đăng ký mới tờ khai xuất khẩu trên phần mềm	25
Hình 3.5: Packing list	26
Hình 3.6: Commercial Invoice	27
Hình 3.7: Booking Note.....	28
Hình 3.8: Thông tin cơ bản của tờ khai	29
Hình 3.9: Thông tin về đơn vị nhập khẩu	29
Hình 3.10: Thông tin về vận đơn	30
Hình 3.11: Thông tin hợp đồng	31
Hình 3.12: Thông tin hóa đơn và Thuế và bảo lanh	31
Hình 3.13: Thông tin vận chuyển và Thông tin khác	32
Hình 3.14: Địa điểm xếp hàng lên xe chở hàng	33
Hình 3.15: Tab "Danh sách hàng"	33
Hình 3.16: Trình tự các bước khai báo trong phần mềm	34
Hình 3.17: Phần mềm thông báo đăng ký tờ khai thành công	35
Hình 3.18: Tờ khai chính thức	36
Hình 3.19: Hóa đơn giá trị gia tăng	38
Hình 3.20: Bảng kê khai hàng hóa xuất khẩu	39

Hình 3.21: Bản khai báo C/O nhập	40
Hình 3.22: Tab “Thông tin hồ sơ”	43
Hình 3.23: Tab "Thông tin hồ sơ" (tiếp theo)	44
Hình 3.24: Sổ C/O được cấp trên hệ thống.....	44
Hình 3.25: Đơn đề nghị cấp C/O.....	45
Hình 3.26: C/O chính thức đi nộp.....	46
Hình 3.27: Thông tư 40/2012/TT/BNNPTNT	47
Hình 3.28: Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật xuất khẩu và Biên lai thu tiền phí, lệ phí.....	49
Hình 3.29: Phyto nhập	50
Hình 3.30: Form khai báo online chứng thư kiểm dịch thực vật	52
Hình 3.31: Chứng thư gửi về email	53

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Tên viết tắt	Tên tiếng Anh	Tên tiếng Việt
ASEAN	Association of Southeast Asian Nations	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
B/L	Bill of Lading	Vận đơn đường biển
B/L No	Bill of Lading number	Số vận đơn
C/I	Commercial Invoice	Hóa đơn thương mại
C/O	Certificate of Origin	Chứng nhận xuất xứ
CA	California	
CEPT	Common Effective Preferential Tariff	Hiệp định về chương trình Thuế quan ưu đãi
Cont.	Container	Thùng đựng hàng
CT	Carton	Hộp carton, hộp giấy
DA	Document against Acceptance	
DEM	Demurrage charge	Phí lưu container tại bến
DET	Detention Charge	Phí lưu container tại kho
Dist.	District	Quận
DP	Document against Payment	
ĐV		Đơn vị
ETD	Estimated time of departure	Thời gian khởi hành dự kiến
FOB	Free on board	Miễn trách nhiệm Trên Boong tàu nơi đi
G.W	Gross weight	Khối lượng tổng cộng

GSP	Generalized System of Preferences	Chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập
GSTP	(Global System of Trade Preferences	Hệ thống ưu đãi thương mại toàn cầu
HS	Harmonized Commodity Description and Coding System	Hệ thống hài hòa
ICO	International Coffee Organization	Tổ chức Cà phê Quốc tế
KC		Khác
LC	Letter or Credit	Thư tín dụng
N.W	Net weight	Khối lượng tịnh
NIS	New Island Company	Công ty TNHH Tân Đảo
OCT	October	Tháng mười
OPS	Operations	Nhân viên giao nhận hiện trường
SEP	September	Tháng chín
St.	Street	Đường
TEL	Telephone number	Số điện thoại
TNHH		Trách nhiệm hữu hạn
TT	Telegraphic Transfer	Chuyển tiền bằng điện
USA	United States of America	Hợp chúng quốc Hoa Kỳ
USD	United States Dollar	Đô la Mỹ
VCCI	Vietnam Chamber of Commerce and Industry	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
WO	Wholly obtained	Xuất xứ thuần tuý
WTO	World Trade Organization	Tổ chức Thương mại Thế giới

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Bên cạnh hàng hóa vận tải biển, hàng hóa vận tải hàng không cũng là một trong những nhân tố cốt lõi, thúc đẩy nền kinh tế quốc gia Việt Nam phát triển. Việt Nam có lợi thế bởi sự phồn biển trong phương thức vận tải này mang đến hiệu quả cao, an toàn, tiết kiệm thời gian. Trong suốt thời gian qua, sự hội nhập kinh tế đã mang đến một số lượng lớn nhu cầu xuất nhập khẩu cho nước ta. Và đây phần nào khẳng định được tầm quan trọng của vận tải hàng không đối với bước tiến phát triển toàn diện trên toàn lãnh thổ. Tuy nhiên, vấn đề giao nhận vận chuyển hàng hóa giữa các quốc gia không hề đơn giản như vận chuyển giữa các tỉnh trong nước. Bản thân nó là một quy trình xuyên suốt gắn liền với nhau. Để thực hiện tốt hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu đòi hỏi đội ngũ nhân viên phải nắm rõ nghiệp vụ giao nhận, thuê tàu, làm các thủ tục hải quan... Cũng chính vì lẽ đó, tôi lựa chọn đề tài “Quy trình xử lý chứng từ hàng thực phẩm xuất khẩu tại công ty TNHH Tân Đảo” để hoàn thiện hiểu biết và nhận thức rõ hơn mức độ quan trọng trong xuất nhập khẩu hàng hóa đường hàng biển thông qua vị trí làm một nhân viên chứng từ tại công ty TNHH HS Logistics để trải nghiệm thực tế nghiệp vụ và hoàn thiện bài báo cáo của mình.

1. Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu về quy trình xử lý chứng từ hàng thực phẩm xuất khẩu tại công ty TNHH Tân Đảo

2. Phương pháp nghiên cứu

Để cho nội dung phong phú và sát với thực tế, tôi đã kết hợp nhiều phương pháp nghiên cứu như:

- Phương pháp quan sát thực tiễn: quan sát thực tế công việc được thực hiện, các nghiệp vụ quy trình khai hải quan tại công ty để có cái nhìn thực tiễn và tổng quan về lĩnh vực chuyên ngành.

- Phương pháp thu nhập thông tin: thu nhập thông tin cần thiết về doanh nghiệp cũng như các nghiệp vụ trong quy trình thông quan hàng hóa, đồng thời thu nhập thêm thông tin trên các phương tiện truyền thông, internet...

Phương pháp phân tích, so sánh số liệu theo chỉ tiêu tuyệt đối và tương đối với tình hình kinh doanh của công ty để đưa ra tình hình nhận xét khách quan về tình hình hoạt động kinh doanh.

3. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu về Công ty TNHH Tân Đảo, một công ty có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ủy thác xuất nhập khẩu, khai thuê hải quan và trong lĩnh vực giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, là môi trường làm việc giúp sinh viên được cọ xát thực tế với những kiến thức được từ giảng đường đại học.

4. Kết cấu báo cáo

Bố cục bài báo cáo gồm 4 chương như sau:

Chương 1: Giới thiệu về công ty TNHH Tân Đảo

Chương 2: Tổng quan lý thuyết liên quan đến quy trình thông quan hàng xuất

Chương 3: Mô tả quy trình xử lý chứng từ hàng xuất tại công ty TNHH Tân Đảo

Chương 4: Nhận xét và các khuyến nghị

CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY TNHH TÂN ĐẢO

1.1 Tổng quan về công ty

1.1.1 Thông tin chung

Bảng 1.1: Bảng thông tin chung của công ty TNHH Tân Đảo

(Nguồn: NIS)

Công ty	CÔNG TY TNHH TÂN ĐẢO
Tên giao dịch quốc tế	NEW ISLAND COMPANY LIMITED
Logo	
Năm thành lập	2006
Địa chỉ	Tầng 17 Tòa Nhà IPC Số 1489 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
Website	http://nisvn.com/
Số điện thoại	(84.28) 37751305
Fax	(84.28) 37751306
Email	info@nisvn.com

1.1.2 Lịch sử hình thành và phát triển

Cam kết của công ty Tân Đảo là tối ưu hóa chuỗi dịch vụ nhằm tiết kiệm chi phí và thời gian cho khách hàng, nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua hệ thống quản lý chuyên nghiệp, tôn trọng và minh bạch.

Công ty Tân Đảo luôn mang đến dịch vụ hậu cần với chất lượng quốc tế cho khách hàng, theo đuổi tiêu chuẩn quản lý chuỗi cung ứng hiện đại để đưa ra các giải pháp linh hoạt và phù hợp với nhu cầu của khách hàng.

a. Tầm nhìn và sứ mệnh

Trong bối cảnh nền kinh tế phát triển như vũ bão, mở cửa giao thương giữa các quốc gia trên thế giới, nhu cầu về việc trao đổi hàng hóa được đẩy mạnh. Tuy nhiên, thời điểm đó, không phải doanh nghiệp nào cũng đủ khả năng thực hiện tất cả các khâu từ sản xuất đến xuất nhập khẩu hàng hóa hoặc không có bộ phận chuyên phụ trách về xuất nhập khẩu dẫn đến hoạt động ngoại thương gặp nhiều khó khăn. Nhận thấy nhu cầu đó, công ty Tân Đảo được thành lập vào 04/05/2006 – thời điểm mà Việt Nam chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) – giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4102039064 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Khi mới thành lập công ty Tân Đảo có trụ sở văn phòng tại địa chỉ số 107 Bến Vân Đồn, phường 9, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh. Với công điều lệ là 500,000,000 đồng do 2 thành viên góp vốn. Đến ngày 25/05/2009, công ty đã mở rộng quy mô kinh doanh, tăng số vốn điều lệ thêm 1,000,000,000 đồng. Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực dịch vụ giao nhận hàng hóa quốc tế, kinh doanh vận tải đa phương thức, dịch vụ khai thuê hải quan, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, đường thủy nội địa, đường biển. Ngoài ra, công ty còn đầu tư vào hoạt động khai thác sản xuất đá để xuất khẩu ra thị trường nước ngoài. Tuy nhiên, do nhiều yếu tố khác nhau nên tháng 7/2014, công ty đã ngưng hoạt động sản xuất và chỉ tập trung vào nâng cao chất lượng dịch vụ của công ty.

b. Lĩnh vực và ngành nghề hoạt động

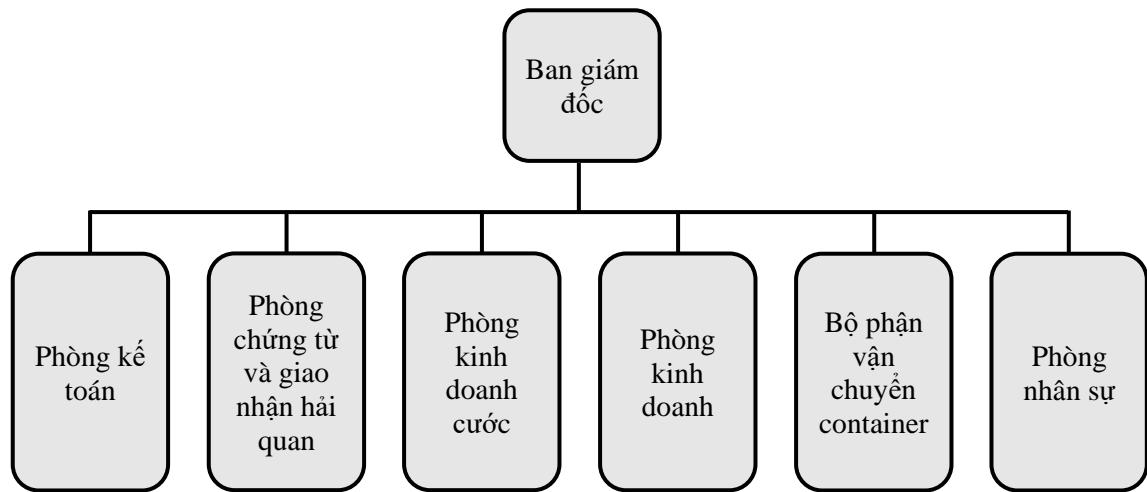
Công ty trách nhiệm hữu hạn Tân Đảo được thành lập với mục tiêu cung cấp cho khách hàng có nhu cầu về dịch vụ giao nhận vận chuyển hàng hóa nội địa, quốc tế, khai thuê hải quan giúp khách hàng tiết kiệm thời gian và chi phí. Với một số hoạt động chính như sau:

- Tư vấn về các vấn đề giao nhận, vận tải và các vấn đề có liên quan (dịch vụ gom hàng lẻ, chia hàng lẻ, dịch vụ giao hàng tại nhà...)
- Dịch vụ khai thuê hải quan.

- Nhận ủy thác kinh doanh xuất, nhập khẩu hoặc xuất, nhập khẩu trực tiếp.
- Làm đại lý cho các hãng tàu nước ngoài và làm các công tác phục vụ cho tàu biển của nước ngoài vào Việt Nam.
- Liên doanh, liên kết với các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước trong các lĩnh vực vận chuyển, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, thuê tàu.

1.2 Sơ đồ tổ chức và chức năng các phòng ban

1.2.1 Sơ đồ tổ chức của công ty



Hình 1.1: Sơ đồ tổ chức của công ty

(Nguồn: NIS)

1.2.2 Chức năng nhiệm vụ của từng phòng ban

a. Ban giám đốc

Ban giám đốc chịu trách nhiệm quyết định toàn bộ các hoạt động trong công ty, đảm bảo quyền lợi cho nhân viên và công ty, xây dựng chương trình, kế hoạch công tác tuần, tháng, quý, năm cho công ty và thường xuyên đôn đốc, theo dõi việc thực hiện chương trình. Ban giám đốc nhắc nhở nhân viên làm việc, biên tập, phát hành, quản lý và lưu trữ văn hóa, kiểm tra pháp lý của các văn bản, giao dịch trước khi ban hành. Ban giám đốc tổ chức bộ phận nghiên cứu và phát triển, thực hiện nhiệm vụ khảo sát, đánh giá, phân tích thị trường kinh doanh, xây dựng các chiến lược phát triển kinh doanh của công ty theo định hướng đã đề ra.

b. Phòng kế toán

Hỗ trợ giám đốc công ty trong việc điều hành, quản lý công tác, tài chính kế toán, thống kê, hoạch toán.

Ghi chép, tính toán phản ánh đầy đủ, chính xác, trung thực, khách quan, kịp thời tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong quá trình kinh doanh của công ty.

Giao dịch với ngân hàng, cơ quan thuế và các cơ quan chức năng có liên quan đến hệ thống kế toán của công ty.

Dự trữ một lượng tiền mặt nhất định để đảm bảo cung cấp kịp thời các khoản chi tiêu cho bộ phận logistics làm hàng hằng ngày.

Theo dõi công nợ trong nước, nhắc nhở nhân viên kinh doanh đòi nợ đúng hạn, đồng thời báo cáo cho giám đốc đúng hạn các khoản phải trả cho cơ quan thuế, hàng tàu, khách hàng, ngân hàng, đối tác và nhà cung cấp.

Tính lương và thanh toán tiền lương, thưởng, thực hiện các chế độ nhà nước quy định cho nhân viên công ty.

Lập báo cáo kế toán định kỳ, kiểm tra, phân tích các thông tin, số liệu kế toán để từ đó tham mưu cho ban giám đốc về yêu cầu quản trị, các quyết định về tài chính trong công ty.

Chịu trách nhiệm trước ban giám đốc về hoạt động kế toán của công ty.

c. Phòng chứng từ và giao nhận hải quan

“Phòng Chứng từ và giao nhận hải quan: Phòng Chứng từ tại công ty là bộ phận chịu trách nhiệm về vận đơn đường biển – Bill of lading hay vận đơn đường hàng không – Airway Bill hay lệnh giao hàng cho tất cả các lô hàng xuất/nhập khẩu của khách hàng đến với công ty. Ngoài ra nhiệm vụ của phòng này là cập nhật thông tin về lịch trình tàu chạy, liên hệ với các đại lý nước ngoài để theo dõi tình trạng chuyển vận chuyển hàng hóa từ khi chủ hàng đặt đến khi khách hàng nhận được hàng hóa, liên hệ với khách hàng về thông tin các lô hàng và các thủ tục liên quan đến việc xuất/nhập khẩu hàng hóa.”

Ngoài ra, còn bộ phận giao nhận về thủ tục hải quan thuộc phòng chứng từ.Trực tiếp làm việc với các cơ quan hữu quan như hải quan, cảng tàu, bộ phận phục vụ tại cảng nhằm gửi hàng xuất theo đúng lịch trình và giải phóng hàng nhập nhanh nhất, liên hệ với khách hàng để hoàn tất hồ sơ cho các lô hàng nhập đang bị tạm giữ hải quan, phụ trách công việc làm Tờ khai Hải quan và các công việc để xuất/nhập khẩu một lô hàng, phụ trách bốc, dỡ hàng hóa ở cảng, giao nhận B/L từ hàng tàu hay đến trực tiếp nơi khách hàng yêu cầu.

d. Phòng kinh doanh cước

Bộ phận kinh doanh cước góp phần mở rộng thị phần, đem lại nhiều hợp đồng có giá trị cao cho công ty.

Bộ phận này liên hệ, thiết lập và cập nhật các cơ sở dữ liệu khách hàng, ghi nhận, thu nhập dữ kiện để giải quyết các khiếu nại của khách hàng cũng như quản lý hồ sơ về giá cả, thông tin khách hàng, lịch tàu, báo giá cho khách hàng và các văn phòng trong mang lưới, hướng dẫn và tư vấn cho khách hàng các vấn đề có liên quan đến dịch vụ của công ty.

Có nhiệm vụ nhận đơn hàng từ khách hàng. Việc nhận đơn hàng được thực hiện như sau:

- Ghi nhận thông tin đặt hàng vào “phiếu booking”.
- Chuyển “phiếu booking” cho bộ phận chứng từ làm tiếp công đoạn thực hiện “thực hiện đơn hàng” tiếp theo.

e. Phòng kinh doanh

Phòng này có nhiệm vụ tìm kiếm nguồn khách hàng mới, mua bán cước vận tải nội địa, quốc tế, đàm phán với các hãng tàu để có cước phí tốt nhất cho khách hàng và xây dựng kế hoạch kinh doanh. Tiến hành báo giá, thỏa thuận và ký hợp đồng giao nhận với khách hàng. Cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng, phòng kinh doanh còn có nhiệm vụ là thiết lập mối quan hệ tốt với các hãng tàu nhỏ hơn và đại lý chuyển phát nhanh để ký kết những hợp đồng về cước phí và dịch vụ khách hàng tốt nhất.

f. Bộ phận vận chuyển container

Quản lý (tạo mới, thay đổi, hủy) việc cho số chuyến đổi với đơn hàng vận chuyển

Nhận hàng vận chuyển

Làm thủ tục lấy cont rỗng/ cont hàng/ trả cont rỗng

Điều phối xe giao hàng

g. Phòng nhân sự

Xây dựng kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực công ty.

Xây dựng chính sách thăng tiến và thay thế nhân sự theo chỉ đạo của cấp quản lý.

Xây dựng quy chế lương thưởng, các biện pháp khuyến khích nhân viên làm việc, thực hiện các chế độ cho nhân viên.

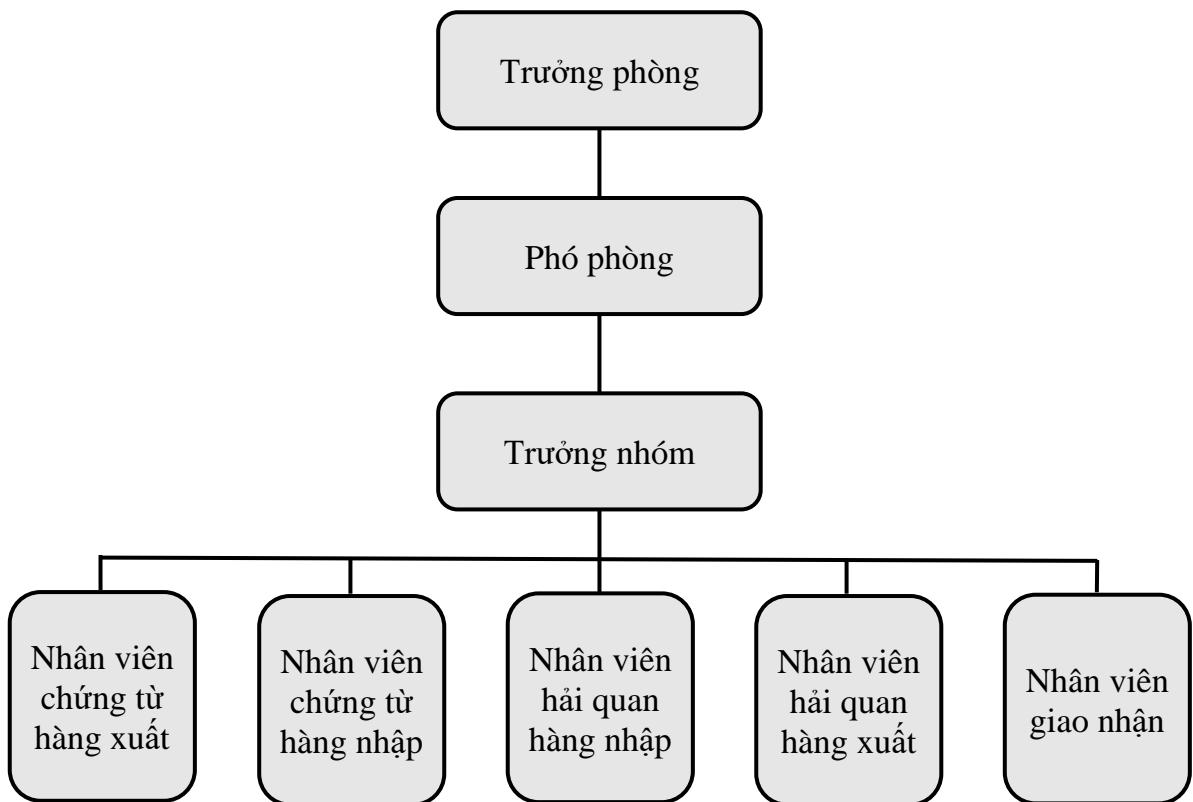
Hỗ trợ ban điều hành để xử lý các vấn đề thuộc lĩnh vực tổ chức - hành chính -nhân sự, xây dựng cơ cấu tổ chức, điều hành công tác đào tạo tuyển dụng trong công ty, xây dựng các phương án về lương bổng, khen thưởng các chế độ phúc lợi cho nhân viên.

Hỗ trợ bộ phận khác trong việc quản lý nhân sự và là cầu nối giữa ban giám đốc và nhân viên trong ban công ty.

1.2.3 Bộ phận thực tập

Bộ phận thực tập tại công ty là bộ phận chứng từ. Bộ phận này có Trưởng phòng là người ký kết, chịu trách nhiệm mọi hoạt động, nắm rõ mọi luật định và tiêu chí của chứng từ và hải quan. Tiếp đến là Phó phòng, là người liên lạc với khách hàng để nắm bắt hợp đồng cũng như yêu cầu của khách hàng. Ngoài ra phó phòng cũng nắm một số trách nhiệm trong việc ký các chứng từ, quyết định của bộ phận. Dưới phó phòng sẽ có Trưởng nhóm, là người nắm bắt các chỉ thị của Phó và Trưởng phòng để phổ biến lại cho các nhân viên trong phòng. Bộ phận làm chứng từ sẽ đảm đương ra hai công việc riêng biệt là Hàng Nhập và Hàng Xuất.

Bộ phận Hàng nhập và Hàng xuất sẽ có nhân viên đảm đương công việc làm chứng từ và khai hải quan.



Hình 1.2: Sơ đồ tổ chức bộ phận thực tập

(Nguồn: NIS)

1.2.4 Nhiệm vụ của nhân viên khai báo hải quan

Đối với nhân viên khai chứng từ hàng xuất và hàng nhập đều có nhiệm vụ chung là kiểm tra lại hồ sơ bộ chứng từ do nhân viên chứng từ cung cấp. Sau khi kiểm tra đối chiếu bộ chứng từ đạt yêu cầu thì tiến hành khai hải quan. Tiếp theo sẽ đăng ký kiểm tra chuyên ngành, phối hợp với nhân viên giao nhận để làm thủ tục hải quan tại cảng, phối hợp với đội xe tải/ xe container vận chuyển hàng về kho chứa hàng của công ty để lưu trữ hoặc giao cho khách hàng theo yêu cầu.

Tuy nhiên đối với nhân viên khai hàng nhập thì cần nắm rõ quy trình xin cấp giấy phép nhập khẩu, kiểm tra thú y đối với những mặt hàng thực phẩm liên quan đến động vật, và bản tự công bố đối với những mặt hàng bao bì, ly nhựa, đồ chứa đựng thực phẩm.

Mặt khác đối với nhân viên khai hải quan hàng xuất thì cần nắm rõ quy trình làm C/O, giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nếu nhà nhập khẩu yêu cầu.

1.3 Tình hình doanh thu, lợi nhuận của công ty trong giai đoạn 2017-2019

Bảng 1.2: Tình hình kinh doanh Công ty TNHH Tân Đảo trong giai đoạn năm 2017-2019

(Nguồn: NIS)

	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Doanh thu bán hàng, cung cấp, dịch vụ	7,836,432,924	9,138,490 ,474	10,125,987,543
Giá vốn	3,459,349,205	3,895,797,448	4,023,653,231
Chi phí bán hàng, cung cấp dịch vụ	1,837,498,392	1,734,384,095	1,867,962,431
Lợi nhuận	2,539,585,327	3,508,308,931	4,234,371,881

Bảng 1.3: Bảng chênh lệch doanh thu, chi phí của Công ty TNHH Tân Đảo trong giai đoạn năm 2017-2019

(Nguồn: NIS)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017 so với năm 2018		Năm 2018 so với năm 2019	
		Tuyệt đối (VNĐ)	Tương đối (%)	Tuyệt đối (VNĐ)	Tương đối (%)
1	Doanh thu	1,302,057,550	117	987,497,069	111
2	Giá vốn	436,448,243	113	127,855,783	103
3	Chi phí	103,114,297	94	133,578,336	108
4	Lợi nhuận	968,723,604	138	726,062,950	121

Nhận xét: Từ bảng tổng hợp tình hình doanh thu – chi phí – lợi nhuận của Công ty Tân Đảo giai đoạn 2017-2019, cho thấy doanh thu qua từng năm có sự gia tăng. Năm 2019 doanh thu đạt 10,125,987,543 đồng, với mức lợi nhuận đạt được 4,234,371,881 đồng, đã tăng 987,497,069 đồng (111%) doanh thu, dẫn đến tăng 726,062,950 đồng (121%) lợi nhuận so với năm 2018. Năm 2018 đạt doanh thu 9,138,490,474, với mức lợi nhuận đạt được 3,508,308,931, đã tăng 1,302,057,550 (117%) doanh thu, dẫn đến tăng 968,723,604 đồng (138%) lợi nhuận so với năm 2017.

Sự tăng trưởng qua các năm đã cho thấy chiến lược của ban quản lý và sự nỗ lực của toàn thể nhân viên. Việc thực hiện các hợp đồng xuất khẩu đem lại nguồn doanh thu cao nhất và ổn định cho công ty. Mức tăng trưởng của năm 2019 so với năm 2018 thấp hơn mức tăng trưởng năm 2018 so với 2017, nguyên nhân là năm 2018 các khách hàng lớn xuất khẩu hàng thép cho các dự án công trình xây dựng ở các nước Lào, Campuchia. Đến 2019, nhu cầu về tiêu thụ thép của khách hàng giảm xuống do các công trình đang trong quá trình hoàn thiện để bàn giao và chưa có nhiều dự án mới do tình hình dịch bệnh bắt đầu vào cuối năm 2019. Tuy mặt xuất khẩu bị giảm nhưng công ty vẫn giữ được nguồn khách ổn định này.

CHƯƠNG 2: TỔNG QUAN LÝ THUYẾT LIÊN QUAN ĐẾN QUY TRÌNH THÔNG QUAN HÀNG XUẤT

2.1 Các chứng từ trong hoạt động xuất khẩu

2.1.1 Hợp đồng Ngoại thương (Sale Contract)

Hợp đồng ngoại thương hay còn gọi là hợp đồng xuất nhập khẩu là sự thỏa thuận của bên mua và bên bán giữa hai nước khác nhau, trong đó quy định bên bán phải cung cấp hàng hóa và chuyển giao các chứng từ có liên quan đến hàng hóa và quyền sở hữu hàng hóa cho bên mua và bên mua phải thanh toán tiền hàng. (SONGANHLOGS, 2017)

Trên hợp đồng bao gồm những thông tin sau:

Điều khoản 1: Commodity: Phần mô tả hàng hóa

Điều khoản 2: Quality: Mô tả chất lượng hàng hóa

Điều khoản 3: Quantity: Số lượng hoặc trọng lượng hàng hóa tùy theo đơn vị tính toán

Điều khoản 4: Price: ghi rõ đơn giá theo điều kiện thương mại lựa chọn và tổng số tiền thanh toán của hợp đồng

Điều khoản 5: Shipment: thời hạn và địa điểm giao hàng

Điều khoản 6: phương thức thanh toán quốc tế lựa chọn

Điều khoản 7: Packing and Marking: quy cách đóng gói bao bì và nhãn hiệu hàng hóa

Điều khoản 8: Warranty: Nêu nội dung bảo hành hàng hóa

Điều khoản 9: Penalty: Những quy định về phạt và bồi thường trong trường hợp có một bên vi phạm hợp đồng

Điều khoản 10: Insurance: Bảo hiểm hàng hóa do bên nào mua? và mua theo điều kiện nào? Nơi khiếu nại đòi bồi thường bảo hiểm

Điều khoản 11: Force majeure: nêu các sự kiện được cho là bất khả kháng và không thể thực hiện được hợp đồng

Điều khoản 12: Claim: nêu các quy định cần thực hiện trong trường hợp một bên trong hợp đồng muốn khiếu nại bên kia

Điều khoản 13: Arbitration: quy định luật và ai là người đứng ra phân xử trong trường hợp hợp đồng bị vi phạm

Điều khoản 14: Other terms and conditions: ghi những quy định khác ngoài những điều khoản đã kể trên.

2.1.2 Vận đơn đường biển (Bill of lading)

a. Vận đơn đường biển

Vận đơn đường biển là chứng từ được hãng tàu cung cấp cho người gửi hàng, sau khi đặt booking. Vận đơn đường biển phải thể hiện các thông tin về hàng hóa. Phải có chữ ký của đại diện được ủy quyền của người vận chuyển, người gửi hàng và người nhận. (SONGANHLOGS, 2018)

b. Chức năng của vận đơn đường biển

Vận đơn là bằng chứng xác nhận hợp đồng vận tải đã được ký kết và chỉ rõ nội dung của hợp đồng đó. Với chức năng này, nó xác định quan hệ pháp lý giữa người vận tải và người chủ hàng, mà trong đó, đặc biệt là quan hệ pháp lý giữa người vận tải và người nhận hàng.

Vận đơn là biên lai của người vận tải xác nhận đã nhận hàng để chuyên chở. Người vận tải chỉ giao hàng cho người nào xuất trình trước tiên vận đơn đường biển hợp lệ mà họ đã ký phát ở cảng xếp hàng.

Vận đơn còn là chứng từ xác nhận quyền sở hữu đối với những hàng hóa đã ghi trên vận đơn. Với chức năng này, vận đơn là một loại giấy tờ có giá trị, được dùng để cầm cố, mua bán, chuyển nhượng.

2.1.3 Hóa đơn thương mại (Commercial Invoice)

Hóa đơn thương mại (Commercial Invoice) là hóa đơn thương mại quốc tế do người bán (Seller) cung cấp, ghi rõ số tiền mà người mua (Buyer) phải thanh toán. Người mua sẽ thực hiện việc thanh toán theo số tiền ghi trên hóa đơn. Hóa đơn thương mại xuất khẩu này ghi rõ đặc điểm hàng hóa, đơn giá, tổng giá trị của hàng hóa, điều kiện cơ sở giao hàng (theo quy định của Incoterms), phương thức thanh toán hay chuyên chở hàng như thế nào. (Việt, 2018)

Số tiền tổng không phải là thông tin duy nhất cần xuất hiện trên C/I để thể hiện rõ yếu tố “thương mại”. Trên đó còn phải có đầy đủ những thông tin quan trọng như:

- Số hóa đơn thương mại và ngày tháng phát hành. Đây là số tham chiếu được lập bởi người bán và bất cứ hóa đơn thương mại nào cũng phải có số hóa đơn. Số hóa đơn thương mại còn được sử dụng để làm thủ tục khai báo hải quan xuất khẩu, nhập khẩu.
- Thông tin người mua, người bán hàng hóa, quốc gia xuất nhập khẩu, shipper: tên, địa chỉ, mã số thuế, ...
- Thông tin tham chiếu khác (Nếu có): Có thể thêm đến bất kỳ thông tin tham khảo khác liên quan đến lô hàng hoặc thêm thông tin do người mua yêu cầu. Ví dụ số LC, tên nhân viên bán đơn hàng này, số đơn đặt hàng (Purchase Order) ...
- Nước sản xuất (Country of Origin): Thông tin này có thể cho thêm vào hoặc không, tuy nhiên để hợp lý hóa khi khai báo hải quan thì nên cho vào. Nhân viên chứng từ có thể tự “chè” thêm thông tin này vào hóa đơn thương mại (trường hợp không áp dụng C/O cho lô hàng đang thực hiện) dựa trên thông tin thực tế hàng hóa.
- Tên cảng đích và quốc gia: Đây là quốc gia nơi hàng hóa được chuyển đến cuối cùng
- Phương thức vận chuyển: Bằng đường biển (by sea) hoặc đường hàng không (by air). Không nhất thiết phải ghi tên phương tiện vận chuyển

và số hiệu vì hóa đơn thương mại thường được phát hành trước khi giao hàng và chưa có số hiệu cụ thể của phương tiện.

- Cảng bốc hàng (Port of Loading): Có thể ghi tên cảng bốc hàng và quốc gia tương ứng. Đó có thể là sân bay hoặc cảng biển.
- Cảng dỡ hàng (Port of Discharge): Tên cảng dỡ hàng, nơi mà hàng hóa được dỡ xuống từ máy bay hoặc tàu biển, còn gọi là cảng đích.
- Điều khoản giao hàng và điều khoản thanh toán: Nên ghi rõ điều khoản giao hàng là gì, theo Incoterms nào. Điều khoản thanh toán là TT hay LC, DA/DP.
- Số lượng kiện (Packages): Ghi tổng số lượng kiện hàng của lô hàng đó, thường ghi kèm tổng trọng lượng cả bì (Gross Weight – kgs). Thông tin này thuộc về phần đóng gói (Packing), nếu chi tiết đóng gói không có gì phức tạp thì có thể kết hợp thông tin của Packing List – phiếu đóng gói vào cùng với hóa đơn thương mại.
- Thông tin mô tả hàng hóa: tên, mã hàng (code), Model, Serial, số lượng, đơn giá, đồng tiền thanh toán, thành tiền, tổng giá trị, quy cách, ký hiệu mã...

2.1.4 Phiếu đóng gói (Packing list)

Packing List (phiếu đóng gói/bảng kê/phiếu chi tiết hàng hóa danh sách hàng) là một trong những chứng từ bắt buộc của bộ chứng từ xuất nhập khẩu để làm thủ tục hải quan. Chứng từ mô tả chi tiết nội dung lô hàng và không bao gồm giá trị lô hàng như Hóa đơn thương mại. Phiếu đóng gói thường thể hiện trọng lượng tịnh (Net Weight), trọng lượng bao gồm bì (Gross Weight), số lượng và phương thức đóng gói (carton, pallet, piece...), mô tả hàng hóa và quy cách đóng gói (1 gói bao nhiêu kg, 1 thùng bao nhiêu gói...). (SONGANHLOGS, 2018)

2.1.5 Tờ khai Hải quan

Tờ khai hải quan (Customs Declaration) được xem là một văn bản mà theo đó người chủ của hàng hóa phải kê khai chi tiết số hàng hóa đó cho bên lực lượng kiểm soát khi xuất nhập khẩu hàng hóa vào nước ta (hay còn gọi là xuất cảnh).

Hay cũng có thể hiểu, khi có một lô hàng nào đó cần phải xuất đi hoặc nhập về thì cần phải làm thủ tục hải quan, trong đó việc tờ khai hải quan là không thể thiếu, bắt buộc phải có, nếu không có mọi hoạt động liên quan đến xuất nhập khẩu đều bị dừng lại. (Vinalogs, 2020)

Nội dung tờ khai bao gồm phần sau:

- Phần 1: Số tờ khai, mã phân loại kiểm tra, mã loại hình, mã chi cục, ngày đăng ký tờ khai.
- Phần 2: Tên và địa chỉ của người xuất khẩu, nhập khẩu.
- Phần 3: thông tin chi tiết lô hàng như hóa đơn, địa điểm lưu kho, địa điểm xếp hàng dỡ hàng, phương tiện vận chuyển, ngày xuất ngày cập, số lượng hàng...
- Phần 4: Hóa đơn thương mại, trị giá hóa đơn...
- Phần 5: Thuế và sắt thuế phần này sau khi ta nhập chi tiết các mặt hàng thì hệ thống tự động xuất ra cho mình luôn.
- Phần 6: phần dành cho hệ thống hải quan trả về
- Phần 7: Phần ghi chú về tờ khai hải quan
- Phần 8: Danh sách hàng hóa

2.1.6 Chứng nhận kiểm dịch thực vật

Chứng nhận kiểm dịch thực vật do cơ quan bảo vệ và kiểm dịch thực vật bên nước xuất khẩu cấp, xác nhận thực vật hoặc sản phẩm có nguồn gốc thực vật không bị nhiễm sâu bệnh và được coi là phù hợp với những quy định kiểm dịch thực vật hiện hành của nước nhập khẩu. Đây là biện pháp ngăn chặn những loài sâu bệnh, có hại nguy hiểm trên các mặt hàng thực vật không lây lan khi vận chuyển từ nước xuất khẩu sang nước nhập khẩu. (Vinalogs, 2014)

Mục đích kiểm dịch thực vật là đảm bảo chất lượng hàng hoá để hàng hoá không mang các mầm bệnh độc hại và nguy hiểm vào thị trường nước khác.

Giấy kiểm định thực vật là loại chứng từ xuất nhập khẩu chứng minh hàng hoá đủ điều kiện nhập khẩu vào thị trường của nước nhập hàng. Đối với một số nước nhập khẩu, giấy kiểm dịch thực vật là một chứng từ bắt buộc của hàng hoá

mà bên xuất khẩu cần xuất trình khi qua cửa hải quan, nếu không có, hải quan có quyền tịch thu và huỷ hàng hoá, phạt tiền bén cung ứng hoặc trả lại hàng về nước xuất khẩu.

2.1.7 Chứng nhận xuất xứ (Certificate of Origin)

C/O (Certificate of Origin) là giấy chứng nhận xuất xứ do cơ quan có thẩm quyền hay đại diện có thẩm quyền tại nước xuất khẩu cấp để chứng nhận xuất xứ sản phẩm của nước đó theo các quy tắc xuất xứ. (Việt, 2018)

Có 2 loại C/O chính là: C/O ưu đãi và C/O không ưu đãi. C/O ưu đãi được hưởng mức thuế nhập khẩu ưu đãi khi nhập khẩu hàng hóa vào các nước khác nhau (đây là một chứng từ rất quan trọng trong bộ hồ sơ làm thủ tục hải quan vì không chỉ giúp các mặt hàng nhập khẩu có giấy tờ hợp pháp về xuất xứ mà còn giúp các doanh nghiệp được hưởng ưu đãi thuế quan nhập khẩu).

Một số loại C/O cụ thể như:

- C/O form A: Hàng xuất khẩu sang các nước cho Việt Nam hưởng ưu đãi thuế quan phổ cập GSP.
- C/O Form B: Hàng xuất khẩu sang tất cả các nước, cấp theo quy định xuất xứ không ưu đãi.
- C/O Form D: hàng xuất khẩu sang các nước ASEAN thuộc diện hưởng ưu đãi thuế quan theo hiệp định CEPT.
- C/O Form E: hàng xuất khẩu sang Trung Quốc và các nước ASEAN thuộc diện hưởng ưu đãi thuế quan theo hiệp định ASEAN – Trung Quốc.
- C/O Form AK (ASEAN – Hàn Quốc): hàng xuất khẩu sang Hàn Quốc và các nước ASEAN thuộc diện hưởng ưu đãi thuế quan theo hiệp định ASEAN – Hàn Quốc.
- C/O Form AJ (ASEAN – Nhật Bản).
- C/O Form AI (ASEAN – Án Độ).
- C/O Form AANZ (ASEAN – Australia – New Zealand).

- C/O Form VJ (Việt Nam – Nhật Bản): Hàng xuất khẩu sang Nhật Bản thuộc diện hưởng ưu đãi thuế quan theo hiệp định Việt Nam – Nhật Bản.
- C/O Form VC (Việt Nam – Chile).
- C/O Form S (Việt Nam – Lào).
- C/O Form GSTP: hàng xuất khẩu sang các nước tham gia hệ thống ưu đãi thương mại toàn cầu (GSTP).
- C/O Form ICO: cấp cho sản phẩm từ cà phê trồng và thu hoạch tại Việt Nam xuất khẩu sang tất cả các nước theo quy định của Tổ chức cà phê thế giới (ICO). Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa – C/O cho mặt hàng Cà phê Việt Nam.
- C/O Form Textile (gọi tắt là form T) cấp cho hàng dệt may xuất khẩu sang EU theo hiệp định dệt may Việt Nam – EU.
- C/O Form Mexico: (thường gọi là Anexo III) cấp cho hàng dệt may, giày dép xuất khẩu sang Mexico theo quy định của Mexico.
- C/O Form Venezuela: cấp cho hàng xuất khẩu sang Venezuela theo quy định của Venezuela.
- C/O Form Peru: cấp cho hàng giày dép xuất khẩu sang Peru theo quy định của Peru.

2.2 Các khái niệm liên quan khác

2.2.1 Thời gian miễn phí sử dụng containers (Freetime)

Freetime: Theo một bài viết của Songanhlogs, Freetime là khoảng thời gian miễn phí mà doanh nghiệp có thể sử dụng container của hãng tàu. Khi doanh nghiệp vận chuyển một lô hàng bằng container, hãng tàu là đơn vị cho “mượn” container để đóng hàng. Thông thường đối với hàng xuất khẩu thì doanh nghiệp sẽ được lấy container đem về kho để đóng hàng trước ngày tàu chạy (ETD) là 5 ngày. Đồng nghĩa là doanh nghiệp sẽ được miễn phí 05 ngày DEM và 05 ngày DET với điều kiện bạn trả container về bến trước giờ closing time quy định để xuất theo lịch tàu dự kiến. Sau khi doanh nghiệp đã hoàn tất các thủ tục hải quan nhập khẩu và muốn mang container về kho riêng để rút hàng thì container này sẽ được miễn phí

lưu container tại cảng (DEM) và phí lưu bãi tại cảng (STORAGE) thông thường được các hãng tàu cho phép là 5 ngày kể từ ngày tàu cập cảng. (SONGANHLOGS, 2014)

- Phí lưu container tại bãi (Demurrage Charge – DEM): Ở một bài viết khác, tác giả đã định nghĩa Demurrage Charge (DEM) là phí lưu container tại bãi mà hãng tàu thu khách hàng. Bản chất của phí này là cảng sẽ thu của hãng tàu sau đó hãng tàu sẽ thu khách hàng và đóng lại cho cảng theo thoả thuận riêng, phí này được tính trên mỗi đơn vị container. Mỗi hãng tàu sẽ có thời gian (ngày) miễn phí cho khách hàng lưu container tại bãi và quá thời hạn thì hãng tàu bắt đầu thu phí khách hàng. (SONGANHLOGS, 2018)
- Phí lưu container tại kho (Detention Charge – DET): Ngoài ra, tác giả cũng định nghĩa phí DET được gọi là phí lưu container tại kho. Phí này bạn đóng cho hãng tàu. Tương tự như phí DET, hãng tàu có thời gian miễn phí và thời gian tính phí DET. Phí này được tính theo ngày và tùy thuộc chủng loại, kích thước container. (SONGANHLOGS, 2018)
- Phí lưu container tại cảng (Storage Charge): Tác giả cũng cho biết, Storage Charge là phí do cảng thu từ chủ hàng. Cảng lúc này đang giữ hàng của bạn. Thời hạn miễn phí DEM đã hết, bạn phải đóng Storage Charge trực tiếp cho cảng. Phí Storage Charge này có thể được gộp hoặc không được gộp trong phí DEM. (SONGANHLOGS, 2018)

2.2.2 Empty release order

Lệnh cấp container rỗng là một loại giấy tờ quan trọng mà hãng tàu cấp phép cho nhà xuất khẩu (người bán) ngay sau khi nhà xuất khẩu đặt được container rỗng, sau đó doanh nghiệp cần phải xuất trình loại giấy tờ này cho nhân viên của bộ phận bến bãi tập kết container rỗng mà trong đó có container rỗng mà mình đã đặt hãng tàu có ở đó, khi bộ phận này kiểm tra xong sẽ bàn giao container rỗng cho nhà xuất khẩu và để doanh nghiệp đóng hàng, tuy nhiên doanh nghiệp hoàn toàn có thể lựa chọn đóng hàng bằng cách đem hàng đến bãi tập kết container để cho hàng vào. (SEGVietnam, 2020)

2.2.3 Closing time

Là thời hạn cuối cùng mà shipper phải thanh lý container cho cảng để cảng bốc xếp container lên tàu. Cũng có một số hãng tàu gọi là cut off time, còn đối với người Việt Nam hay gọi “máy giờ tàu cắt máng”. Trong vận chuyển hàng hóa đường biển, nếu lô hàng của bạn thanh lý sau closing time hay thời gian cắt máng thì rất có khả năng bị rót tàu rất cao. Thông thường các hãng tàu quy định thời gian closing time cũng chính là thời hạn nộp chi tiết bill (SI) cho hãng tàu. Chú ý đối với hàng đi Nhật (Japan) hoặc Thượng Hải (Shanghai) thời hạn nộp chi tiết bill sớm hơn, có khi sớm hơn 3 ngày trước ngày tàu chạy. (SONGANHLOGS, 2014)

2.3 Quy trình thực hiện công việc theo lý thuyết



Hình 2.1: Quy trình thực hiện công việc theo lý thuyết

(Nguồn: NIS)

2.3.1 Nhận và kiểm tra đối chiếu thông tin chứng từ của khách hàng

Sau khi nhận được bộ chứng từ (booking note, commercial invoice, packing list, sales contract) thì nhân viên khai hải quan sẽ tiến hành kiểm tra nội dung và tính đồng nhất của bộ chứng từ để trước khi lên tờ khai làm thủ tục hải quan. Tất cả chứng từ phải khớp với nhau, đặc biệt là hợp đồng, vì nếu các chứng từ không đúng thì có thể không thể làm thủ tục thông quan cho lô hàng. Vì vậy, nhân viên khai hải quan phải kiểm tra thật kỹ các chứng từ về tính chính xác, đồng nhất và hợp lệ, giúp tiết kiệm chi phí và thời gian. Nếu trong quá trình kiểm tra thấy có sai sót nhân viên khai hải quan phải báo ngay cho bộ phận xuất khẩu bên công ty khách hàng để kịp thời điều chỉnh và nhanh chóng làm thủ tục hải quan cho lô hàng.

2.3.2 Khai hải quan điện tử

Khi các thông tin của bộ chứng từ đã chính xác với nhau, nhân viên NIS sẽ tiến hành khai hải quan trên phần mềm. Phần mềm khai hải quan điện tử mà công ty Tân Đảo đang dùng là **ECUS VNACCS** với đầy đủ bản quyền giúp thao tác nhiều chức năng.

2.3.3 Đăng ký kiểm dịch thực vật

Nếu những mặt hàng xuất khẩu thuộc nhóm mặt hàng sau thì phải đi đăng ký kiểm dịch thực vật tại Công thông tin một cửa Quốc gia: Sản phẩm có nguồn gốc thực vật (Các loại củ, quả, hạt, hoa, lá, thân, cành, gốc, rễ cây). Các bước này đều thực hiện online trên hệ thống của nhà nước.

2.3.4 Phối hợp với bộ phận làm thủ tục hải quan để thông quan hàng hóa

Phối hợp với OPS chuẩn bị chứng từ hải quan để làm thủ tục thông quan . Tùy theo luồng trên tờ khai mà nhân viên chuẩn bị chứng từ. Đối với luồng xanh, chứng từ gồm có tờ khai hải quan, booking, mã vạch. Luồng vàng giống luồng xanh và bổ sung thêm Invoice V5 và luồng đỏ bổ sung thêm Packing list.

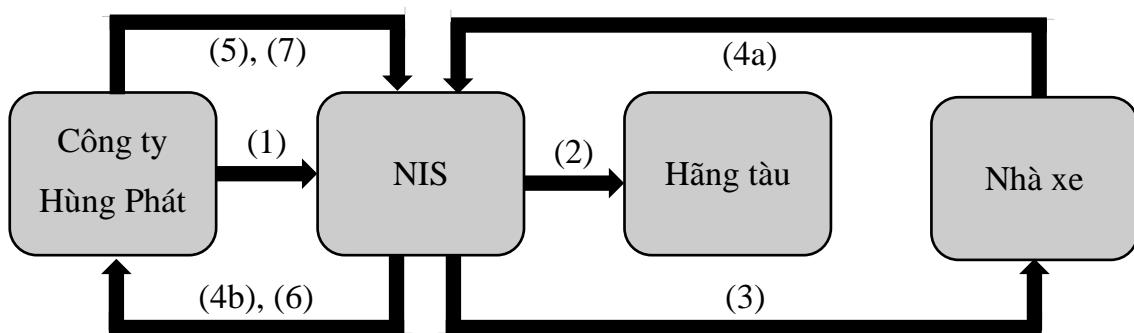
CHƯƠNG 3: MÔ TẢ QUY TRÌNH XỬ LÝ CHỨNG TỪ HÀNG XUẤT TẠI CÔNG TY TNHH TÂN ĐẢO

3.1 Giới thiệu sơ lược về lô hàng xuất tại công ty

Công ty trách nhiệm hữu hạn Tân Đảo (NIS) được công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất trái cây Hùng Phát ủy thác xuất khẩu lô hàng “Thanh long đỏ đông lạnh cắt 15X15MM” xuất xứ Úc.

Lô hàng này được công ty Hùng Phát đàm phán và ký kết hợp đồng ngoại thương với công ty nhập khẩu là Mercer Foods, LLC. Lô hàng nhập khẩu theo điều kiện FOB từ cảng Cái Mép, Việt Nam đến cảng Oakland, bang California, USA. Lô hàng được đóng trong 3 container lạnh cao 40 feet mang số hiệu lần lượt là YMLU5429049, YMLU5425932, TLLU1034357 và có số seal tương ứng là YMAG603034, YMAG603027, YMAG 603169 ngày tàu chạy là 08/10/2020 tên lô hàng trên tờ khai xuất khẩu “Thanh long đỏ đông lạnh cắt 15X15MM (10kg/thùng, 6120 thùng) hàng mới.

Quy trình xử lý chứng từ xuất của lô hàng



Hình 3.1: Sơ đồ quy trình xử lý chứng từ hàng xuất

(Nguồn: sinh viên tự tổng hợp)

Bước 1: Hùng Phát gửi Booking và kế hoạch đóng hàng cho NIS để tiến hành liên hệ với nhà xe và hãng tàu

Bước 2: NIS sẽ gửi mail duyệt lệnh tới hãng tàu trên Booking để được duyệt bãi cáp cont rỗng.

Bước 3: Sau khi có booking được duyệt lệnh từ hãng tàu, NIS sẽ gửi booking này và kế hoạch đóng hàng đến nhà xe qua mail đồng thời gửi qua Zalo để thông báo để nhà xe biết đã gửi mail và kiểm tra phản hồi lại nếu không nhận được mail.

Bước 4: Nhà xe chụp hình số cont, số seal và tình trạng cont. NIS sẽ gửi lại hình ảnh của tình trạng cont cho Hùng Phát nếu đồng ý tình trạng cont đủ điều kiện đóng hàng, NIS sẽ thông báo cho nhà xe để tiến hành đóng hàng vào cont.

Bước 5: Hùng Phát gửi Packing list, Invoice để NIS lên tờ khai.

Bước 6: NIS sẽ lên tờ khai nháp và trình Hùng Phát xác nhận để truyền tờ khai chính thức. Khi tờ khai được phân luồng, nhân viên giao nhận NIS sẽ bắt đầu đi thanh lý cont trước giờ cắt máng trên Booking, để tránh tình trạng rót cont.

Bước 7: Sau khi tàu chạy, Hùng Phát sẽ gửi Bill cho NIS.

Bước 8: Khi nhận được Bill, NIS sẽ tiến hành làm C/O và Phyto cho lô hàng thực vật.

3.2 Quy trình xử lý chứng từ hàng xuất tại công ty

3.2.1 Khai báo hải quan điện tử

Khi công ty Hùng Phát gửi đầy đủ chứng từ gồm invoice, packing list, contract, NIS sẽ kiểm tra và tiến hành lên tờ khai nháp và truyền qua trên máy tính của bộ phận chứng từ công ty Hùng Phát để khai chính thức

Công ty trách nhiệm hữu hạn Tân Đảo đang sử dụng phần mềm khai báo Hải quan điện tử ECUS5-VNACCS của công ty Thái Sơn. Hệ thống phần mềm ECUS5-VNACCS được thiết kế theo chuẩn mực của Hệ thống Hải quan điện tử hiện đại, đáp ứng đầy đủ các quy trình nghiệp vụ, đồng thời mở rộng các thủ tục đăng ký, như thủ tục đăng ký danh mục miễn thuế, thủ tục áp dụng chung cả hàng mậu dịch và phi mậu dịch, thủ tục đơn giản đối với hàng hóa trị giá thấp, quản lý hàng hóa tạm nhập, tái xuất.

Lưu ý: Khi tiến hành nhập vào dữ liệu về loại hình khai báo, mã hải quan khai báo..., lưu ý các tiêu chí có dấu (*) màu đỏ là bắt buộc nhập, các ô màu xám là chỉ tiêu thông tin do hệ thống tự động trả về hoặc chương trình tự tính, doanh nghiệp không cần nhập vào những chỉ tiêu này. Trong quá trình nhập liệu, khi click chuột vào tiêu chí nào, phía dưới góc trái màn hình tờ khai sẽ hiện ra “Hướng dẫn nhập liệu” chi tiết, làm theo các hướng dẫn để nhập thông tin cho các chỉ tiêu cần thiết.



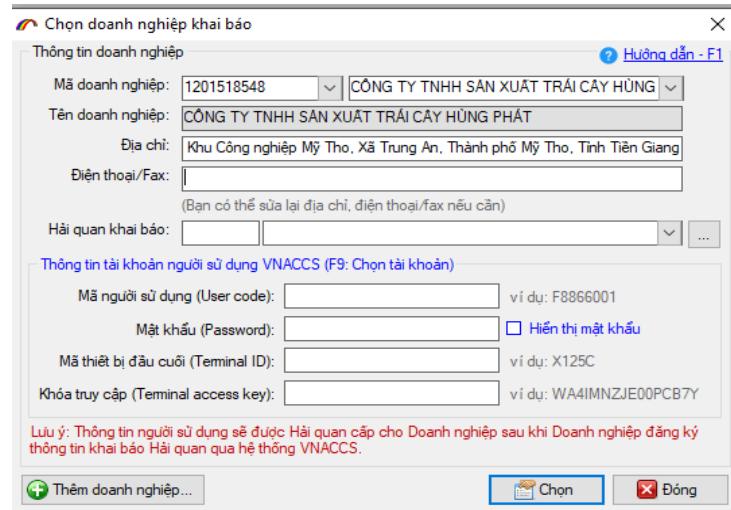
Hình 3.2: Giao diện phần mềm ECUS VNACCS

(Nguồn: NIS)

Trước khi tiến hành khai báo, cần tiến hành thiết lập thông tin doanh nghiệp cần thiết để báo trên hệ thống Hải quan.

- Chọn thẻ “Hệ thống”, ta chọn tiếp mục “Chọn doanh nghiệp xuất nhập khẩu”, xuất hiện cửa sổ “Chọn doanh nghiệp khai báo”.
- Tại ô “Mã doanh nghiệp” nhập mã số thuế “1201518548” của công ty Hùng Phát, ô màu trắng bên cạnh sẽ thể hiện tên doanh nghiệp tương ứng “CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT TRÁI CÂY HÙNG PHÁT”

- Tại ô “Địa chỉ” hiện thông tin tương ứng của doanh nghiệp đã chọn “Lô 47-49-51 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang”. Và bấm nút chọn để hoàn tất.

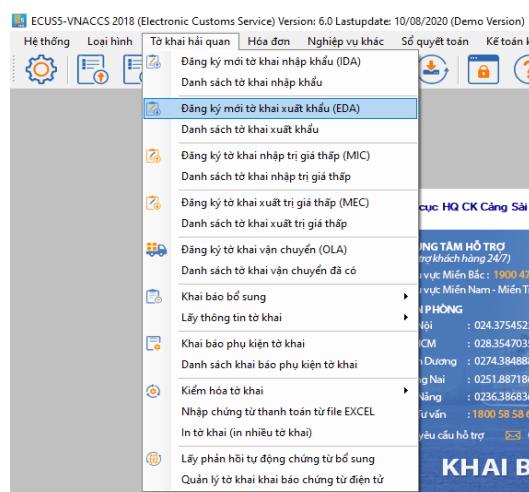


Hình 3.3: Cửa sổ “Chọn doanh nghiệp khai báo”

(Nguồn: NIS)

Bước 1: Đăng ký mới tờ khai xuất khẩu (EDA)

Để đăng ký mới tờ khai xuất khẩu, từ giao diện chính của phần mềm khai Hải quan ECUSS VNACCS, chọn thẻ “Tờ khai hải quan” và chọn mục “Đăng ký mới tờ khai xuất khẩu (EDA)”



Hình 3.4: Đăng ký mới tờ khai xuất khẩu trên phần mềm

(Nguồn: NIS)

Bước 2: Nhập thông tin cần thiết

Nhập thông tin dựa trên Packing list, Commercial invoice và Sales Contract do công ty Hùng Phát cung cấp.

ANDROS ASIA		PACKING LIST							
HUNG PHAT FRUITS PRODUCING CO., LTD (CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT TRÁI CÂY HÙNG PHÁT)		N°. (Số): ESAL.031020.5825 Date (Ngày): 03/10/2020 Invoice N°. (Số hóa) AND.INV-000200-20							
Address: Lot 47-49-51 My Tho Industrial Zone, Trung An Ward, My Tho city, Tien Giang province, Vietnam <i>Địa chỉ: Lô 47-49-51 Khu Công Nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam</i> Tel (Điện thoại): 0273.3854777 Email: huong.nguyen@andros-asia.com Tax code (Mã số thuế): 1201518548									
For the account and risk of Messrs: Company (Tên đơn vị): MERCER FOODS LLC Address (Địa chỉ): 1836 Lapham Drive, Modesto, CA 95354, USA, United States Shipped by: Per S.S.: YANGMING BY SEAWAY Sailing on or about: 08/10/2020 Port Of Discharge: OAKLAND, CA, USA									
N°.	Description	Batch N°.	Mfg. Date	Exp. Date	Quant.	UOM	N.W	G.W	Container N°.
1	110000066-01 IQF RED DRAGON FRUIT DICES 15X15MM PACKING: 10KG/Carton, WITH PALLET	CONT25-B1	05/09/2020	05/09/2022	930	Carton	9,300	9,943	YMLU5425932 (40'RF)
2	110000066-01 IQF RED DRAGON FRUIT DICES 15X15MM PACKING: 10KG/Carton, WITH PALLET	CONT25-B2	05/09/2020	05/09/2022	260	Carton	2,600	2,780	YMLU5425932 (40'RF)
3	110000066-01 IQF RED DRAGON FRUIT DICES 15X15MM PACKING: 10KG/Carton, WITH PALLET	CONT25-B3	05/09/2020	05/09/2022	440	Carton	4,400	4,704	YMLU5425932 (40'RF)
4	110000066-01 IQF RED DRAGON FRUIT DICES 15X15MM PACKING: 10KG/Carton, WITH PALLET	CONT25-B4	05/09/2020	05/09/2022	410	Carton	4,100	4,383	YMLU5425932 (40'RF)
5	110000066-01 IQF RED DRAGON FRUIT DICES 15X15MM PACKING: 10KG/Carton, WITH PALLET	CONT26-B1	16/09/2020	16/09/2022	567	Carton	5,670	6,062	YMLU5429049 (40'RF)
6	110000066-01 IQF RED DRAGON FRUIT DICES 15X15MM PACKING: 10KG/Carton, WITH PALLET	CONT26-B2	16/09/2020	16/09/2022	855	Carton	8,550	9,141	YMLU5429049 (40'RF)
7	110000066-01 IQF RED DRAGON FRUIT DICES 15X15MM PACKING: 10KG/Carton, WITH PALLET	CONT26-B3	16/09/2020	16/09/2022	618	Carton	6,180	6,607	YMLU5429049 (40'RF)
8	110000066-01 IQF RED DRAGON FRUIT DICES 15X15MM PACKING: 10KG/Carton, WITH PALLET	CONT27-B1	17/09/2020	17/09/2022	505	Carton	5,050	5,399	TLLU1034357 (40'RF)
9	110000066-01 IQF RED DRAGON FRUIT DICES 15X15MM PACKING: 10KG/Carton, WITH PALLET	CONT27-B2	17/09/2020	17/09/2022	895	Carton	8,950	9,569	TLLU1034357 (40'RF)
10	110000066-01 IQF RED DRAGON FRUIT DICES 15X15MM PACKING: 10KG/Carton, WITH PALLET	CONT27-B3	17/09/2020	17/09/2022	640	Carton	6,400	6,842	TLLU1034357 (40'RF)
11	Pallet				60	Pieces		1,260	
	TOTAL				6.120		61,200	66,690	
TOTAL:	6.120,00 PACKAGES						61,200 MTS	66,690 MTS	
							N.W	G.W	
SAID TO BE: SIX THOUSAND ONE HUNDRED AND TWENTY PACKAGES ONLY									
REMARKS: <div style="text-align: right; background-color: #FFCCBC; padding: 5px;"> FOR AND ON BEHALF OF HUNG PHAT FRUITS PRODUCING COMPANY LIMITED </div>									
<small>F: ANDROS-PKL.EXP Version No.1 Date: Jan 1st, 2019</small>		<small>1/1</small>							

Hình 3.5: Packing list

(Nguồn: Công ty TNHH Sản Xuất Trái Cây Hùng Phát)

**COMMERCIAL INVOICE**

HUNG PHAT FRUITS PRODUCING CO., LTD
(CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT TRÁI CÂY HÙNG PHÁT)

Invoice N°. (Số hoá) AND.INV-000200-20
Invoice Date (Ngày) 03/10/2020

Address: Lot 47-49-51 My Tho Industrial Zone, Trung An Ward, My Tho city, Tien Giang province, Vietnam

Địa chỉ: Lô 47-49-51 Khu Công Nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

Tel (Điện thoại) : 0273.3854777

Email: huong.nguyen@andros-asia.com

Tax code (Mã số thuế) : 1201518548

Bank info: BNP PARIBAS, HOCHIMINH CITY BRANCH, SUITE 504, SAIGON TOWER, 29 LE DUAN BLVD, DISTRICT 1, HOCHIMINH CITY, VIETNAM

Account N°.: 00060 002463 000 63

Swift: BNPBVNVN

Buyer's name (Họ tên người mua hàng) :

Company (Tên đơn vị) : MERCER FOODS LLC

Address (Địa chỉ) : 1836 Lapham Drive, Modesto, CA 95354, USA

Delivery address (Địa chỉ giao hàng) : 1836 Lapham Drive, Modesto, CA 95354, USA

Telephone N°. (Số điện thoại) :

Tax code (Mã số thuế) :

TERMS OF DELIVERY:	PAYMENT TERM:	PER S.S:	PORT OF LOADING:
FOB HOCHIMINH, VIETNAM	TT within 7 days after receiving copy of	YM WREATH V.016E	CAIMEP, VIETNAM
CONTRACT N°.:	ORDER DATE:	SHIPPED ON/ABOUT:	PORT OF DISCHARGE
0705-2020	10/07/2020	08/10/2020	OAKLAND, CA, USA

N°.	Description	Selling Qty	SalesUM	Unit price	Currency	Amount
	110000066-01					
1	IQF RED DRAGON FRUIT DICES 15X15MM PACKING: 10KG/Carton, WITH PALLET	61,200 TON		1.250,00 USD		76.500,00
	TOTAL	61,200				76.500,00
	TOTAL: 76,500.00 USD					
	SAID TO BE: SEVENTY SIX THOUSAND FIVE HUNDRED DOLLARS ONLY					

REMARKS:

FDA No.: 15528005346

FOR AND ON BEHALF OF
HUNG PHAT FRUITS PRODUCING COMPANY LIMITED

Hình 3.6: Commercial Invoice

(Nguồn: Công ty TNHH Sản Xuất Trái Cây Hùng Phát)

YANG MING

Yang Ming Shipping (Viet Nam) Co., Ltd
Address: Floor 19th, REE Tower, No.9 Doan Van Bo Street, Ward 12,
District 4, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: (84-8) 38254589 Fax: (84-8) 38254269
Email: yangming@vn.yangming.com

BOOKING NOTE

Cấp cho booking số : YMLUW490380923

Người đại diện : MS Phuong

Tên tàu : YM WREATH 016E

Ngày tàu chạy : 08/10/2020

Số lượng container : 3X40RQ

CẤP CONT SẠCH TỐT DƯỚI 10 TUỔI - KHÔNG LẤY CONT ĐÃ CÓ CHẤP VÀ, MÓP

Reefer Details

Temp : -24 C

Ventilation : CLOSED

Cảng L/D : CAI MEP , TCIT

Loại hàng hóa : General cargo, NOS or mixed consignment

Cảng T/S :

Cảng đích : OAKLAND, CA

Cảng D/C : OAKLAND, CA

Load Mode/Discharge Mode : CY/CY

Nơi cấp container: Tan Cang My Thuy Depot

Nơi hạ bến : PHUOC LONG PORT

Closing time : TRƯỚC 15:00 GIỜ NGÀY 05/10/2020

ETD	Discharge port	S/I cutoff
ETD MON	Halifax/Jacksonville/Newyork/Savannah/Norfolk (EC5)	15:00PM Friday
ETD SAT	Newyork/Savannah/Norfolk/Charleston (EC4)	10:00AM Wednesday
ETD FRI	Tacoma/Vancouver (PN2)	11:59AM Teusday
ETD THU	Long Beach/Oakland (FP2)	11:00AM Monday
ETD SAT	Los Angeles/Oakland (PS3)	07:00AM Wednesday
ETD TUE & T/S KAOHSIUNG	(THX-B) & Los Angeles/Oakland (PS4)	10:00AM Monday
ETD THU & T/S KAOHSIUNG	(THX-A) & Los Angeles/Oakland (PS4)	10:00AM Wednesday

- 1) Khi lấy rỗng phải kiểm tra loại container, điều kiện vệ sinh và hư hỏng.
- 2) Làm lạnh hàng trước khi đóng container, nhiệt độ chênh lệch không quá +/-5C, trọng lượng hàng tối đa không vượt quá 26tons/40RQ (hàng giao tại cảng chính)
- 3) Miễn phí: 3 ngày lưu container-3 ngày lưu bến (RF/RQ); và 36h CẨM ĐIỆN từ hạ bến đến Closing time
- 4) Số lượng container tại bến có thể thay đổi không báo trước kịp thời
- 5) Bàn giao kỹ điều kiện vệ sinh - kỹ thuật của container trước khi xe đi về kho riêng.
- 6) Làm hư hỏng, thất lạc container phải bồi thường theo đúng qui định của Hàng tàu.

Hot line

Hồ Chí Minh: Mr.Biên 0918170551/Cont lạnh
Hà Nội: Mr.Dũng 0904132843; Mr.Thắng: 0949087377
Hải Phòng: Mr.Mạnh 0904777466; Mr.Trái 0357823950
Đà Nẵng: Mr.Hiển 0905.585.317
Mail tuyển Mỹ/Canada : ymvn.usa@vn.yangming.com

CẢM ƠN QUÝ KHÁCH HÀNG ĐÃ SỬ DỤNG DỊCH VỤ CỦA YANGMING

Date : 01/10/2020

NGUYEN HONG NHIEN

TEL :

Hình 3.7: Booking Note

(Nguồn: Yang Ming)

a. Những thông tin cần điền ở tab “Thông tin chung”

Thông tin cơ bản của tờ khai

Nhóm loại hình:	<input checked="" type="radio"/> Kinh doanh, đầu tư	<input type="radio"/> Sản xuất xuất khẩu	<input type="radio"/> Gia công	<input type="radio"/> Chế xuất
Số tờ khai:	STT:			
Số tờ khai đầu tiên:	Số nhánh:	/	Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng:	...
Mã loại hình: *	B11	Xuất khẩu của doanh nghiệp đầu tư	...	Mã phân loại hàng hóa:
Cơ quan Hải quan: *	02IK	Chi cục HQ CK Cảng Sài Gòn KV IV	...	Mã bộ phận xử lý tờ khai:
Thời hạn tái nhập khẩu:	Mã hiệu phương thức vận chuyển: *			
Ngày khai báo (dự kiến):	02			

Hình 3.8: Thông tin cơ bản của tờ khai

(Nguồn: NIS)

Nội dung điền:

- Nhóm loại hình:** Kinh doanh, đầu tư
- Mã loại hình:** B11-Xuất kinh doanh, Xuất khẩu của doanh nghiệp đầu tư)
- Cơ quan Hải quan:** 02CI-Chi cục HQ CK Cảng Sài Gòn KV IV)
- Mã bộ phận xử lý tờ khai:** 02-Đội thủ tục hàng hóa xuất khẩu)
- Mã hiệu phương thức vận chuyển:** 2 -Đường biển (container) đối với hàng nguyên cont. Chọn 3- Đường biển (container) nếu là hàng lẻ.

Thông tin về đơn vị nhập khẩu

Người nhập khẩu		
Mã:	...	
Tên: *	MERCER FOODS LLC	
Mã bưu chính:		
Địa chỉ: *	1836 LAPHAM DRIVE	MODESTO
	NITED STATES	
Mã nước:	US	U.S.A.
Mã người khai Hải quan:	...	

Hình 3.9: Thông tin về đơn vị nhập khẩu

(Nguồn: NIS)

Nội dung điền:

- **Tên:** MERCER FOODS
- **Địa chỉ:** 1836 Lapham Drive, Modesto, USA
- **Mã nước:** US- U.S.A

Thông tin về vận đơn

Vận đơn

Số vận đơn:	<input type="text"/> Chọn... Đăng ký... In định danh		
Số lượng kiện: *	6,120	CT	Tổng trọng lượng hàng (Gross): 66.69 TNE
Mã địa điểm lưu kho hàng chờ thông quan dự kiến:	02IKR02	CT CANG PHUOC LONG 2	...
Địa điểm nhận hàng cuối cùng: *	USOAK	OAKLAND - CA	...
Địa điểm xếp hàng:	VNPLT	CANG ICD PHUOCLONG 3	...
Phương tiện vận chuyển:	9999	YM WREATH V.016E	
Ngày hàng đi dự kiến: *	08/10/2020		
Ký hiệu và số hiệu:	<input type="text"/>		

Hình 3.10: Thông tin về vận đơn

(Nguồn: NIS)

Nội dung điền:

- Số vận đơn sẽ được điền khi truyền tờ khai chính thức trên máy tính bên công ty Hùng Phát có cắm chữ ký số
- **Số lượng kiện:** 6120 CT
- **Tổng trọng lượng hàng (Gross):** 66.69 TNE
- **Mã địa điểm lưu kho hàng chờ thông quan dự kiến:** 02IKR02- CT CANG PHUOC LONG 2
- **Địa điểm nhận hàng cuối cùng:** USOAK - OAKLAND-CA
- **Địa điểm xếp hàng:** VNPLT - CANG ICD PHUOCLONG 3
- **Phương tiện vận chuyển:** YM WREATH V.016E
- **Ngày hàng đi dự kiến:** 08/10/2020

Thông tin hợp đồng

Thông tin hợp đồng

Số hợp đồng:	0705-2020	Khai báo thông tin HĐ theo yêu cầu của Hải quan
Ngày hợp đồng:	10/07/2020	Ngày hết hạn:

Hình 3.11: Thông tin hợp đồng

(Nguồn: NIS)

Nội dung điền:

- Số hợp đồng:** 0705-2020
- Ngày hợp đồng:** 10/07/2020

Thông tin hóa đơn:

Thông tin hóa đơn

Phân loại hình thức hóa đơn:	A	Số hóa đơn:	AND.INV-000200-20
Số tiếp nhận hóa đơn điện tử:		Phương thức thanh toán:	KC
Ngày phát hành:	03/10/2020	Điều kiện giá hóa đơn:	FOB
Mã phân loại giá hóa đơn: *	A	Mã đồng tiền của hóa đơn: *	USD
Tổng trị giá hóa đơn: *	76.500	Mã đồng tiền trị giá tính thuế:	USD
Trị giá tính thuế:	76.500		

Thuế và bảo lãnh

Phân loại không cần quy đổi VNĐ:		Tổng hệ số phân bổ trị giá tính thuế:	
Người nộp thuế:	1		
Mã ngân hàng trả thuế thay:		Ký hiệu chứng từ hạn mức:	
Năm phát hành hạn mức:		Số chứng từ hạn mức:	
Mã xác định thời hạn nộp thuế:	D	Trường hợp nộp thuế ngay	
Mã ngân hàng bảo lãnh:			
Năm phát hành bảo lãnh:		Ký hiệu chứng từ bảo lãnh:	
		Số chứng từ bảo lãnh:	

Hình 3.12: Thông tin hóa đơn và Thuế và bảo lãnh

(Nguồn: NIS)

Nội dung điền:

- Phân loại hình thức hóa đơn:** A – Hóa đơn thương mại
- Số hóa đơn:** AND.INV-000200-20
- Ngày phát hành:** 03/10/2020
- Phương thức thanh toán:** KC (thanh toán bằng hình thức TT)

- **Mã phân loại giá hóa đơn:** A – Giá hóa đơn cho hàng hóa phải trả tiền
- **Điều kiện giá hóa đơn:** FOB
- **Tổng trị giá hóa đơn:** 76500
- **Mã đồng tiền của hóa đơn:** USD
- **Trị giá tính thuế:** 76500
- **Mã đồng tiền trị giá tính thuế:** USD
- **Người nộp thuế:** 1 – Người xuất khẩu (nhập khẩu)
- **Mã xác định thời hạn nộp thuế:** D – Trường hợp nộp thuế ngay

Thông tin vận chuyển và Thông tin khác:

Thông tin vận chuyển					
Ngày khởi hành vận chuyển:	03/10/2020				
Thông tin trung chuyển:				Mã địa điểm	
(1)					Ngày đến
(2)					- Ngày khởi hành
(3)					
Địa điểm đích cho vận chuyển bảo thuế:	02IKR02	CT CĂNG PHUOC LONG 2			03/10/2020
Thông tin khác					
Phản ghi chú:	HD:0705-2020 Ngày:10/07/2020 (AND.RDF 01/2020) .PTTT: T/T				
Số quản lý của nội bộ doanh nghiệp:					

Hình 3.13: Thông tin vận chuyển và Thông tin khác

(Nguồn: NIS)

Nội dung điền:

- **Ngày khởi hành vận chuyển:** 03/10/2020 (ngày khai hải quan)
- **Địa điểm đích cho vận chuyển bảo thuế:** 02IKR02- CT CĂNG PHUỐC LONG 2
- **Ngày đến:** 03/10/2020
- **Phản ghi chú:** HD:0705-2020 Ngày:10/07/2020 (AND.RDF 01/2020) .PTTT: T/T (gồm số và ngày hợp đồng, phương thức thanh toán).

Sau khi điền đầy đủ và kiểm tra chính xác thông tin thì bấm nút “Ghi” để phần mềm lưu lại và kiểm tra các thông tin bắt buộc phải điền. Nếu phần mềm không báo chuyển sang điền “Thông tin container”.

b. Những thông tin cần điền ở tab “Thông tin chung 2”

Địa điểm xếp hàng lên xe chở hàng:

Địa điểm xếp hàng lên xe chở hàng

Mã: (1) 02IKR02 ... (2) ... (3) ... (4) ... (5) ...

Tên: CT CANG PHUOC LONG 2

Địa chỉ:

Số Container:

1 YMLU5429049	2 YMLU5425932	3 TLLU1034357	4	5
---------------	---------------	---------------	---	---

Hình 3.14: Địa điểm xếp hàng lên xe chở hàng

(Nguồn: NIS)

Nội dung điền:

- Mã:** 02IKR02
- Tên:** CT CANG PHUOC LONG 2
- Số container:** YMLU5429049, YMLU5425932, TLLU1034357

Bấm “Ghi” để phần mềm lưu lại thông tin và tiến hành sang tab cuối cùng.

c. Những thông tin cần điền ở tab “Danh sách hàng”

Thông tin chung								Thông tin Container		Danh sách hàng		Chỉ thị của Hải quan		Kết quả xử lý tờ khai		Quản lý tờ khai	
F4: Nhập hàng chi tiết - F5: Copy 1 dòng hàng - F6: Nhập từ file Excel - F8: Xóa 1 dòng hàng - F9: Chọn hàng từ danh mục - F11: Xóa tất cả																	
: + Thêm mới		Chi tiết		Xóa		Thiết lập cột dữ liệu		Tiện ích									
STT	Mã hàng	Tên hàng (mô tả chi tiết)				Mã HS	Xuất xứ	Lượng	Đơn vị tính	Đơn giá hóa đơn	Trị giá hóa đơn						
▶	1	Thanh long đỏ đông lạnh cắt 15X15MM (10kg/thùng, 6120 thùng) hàng mới 100% #&VN				08119000	VIETNAM	61.2	TNE	1.250	76.500						
*																	

Hình 3.15: Tab "Danh sách hàng"

(Nguồn: NIS)

Nội dung điền:

- Tên hàng (mô tả chi tiết):** Thanh long đỏ đông lạnh cắt 15X15MM (10kg/thùng, 6120 thùng) hàng mới 100%
- Mã HS:** 08119000
- Xuất xứ:** VIETNAM

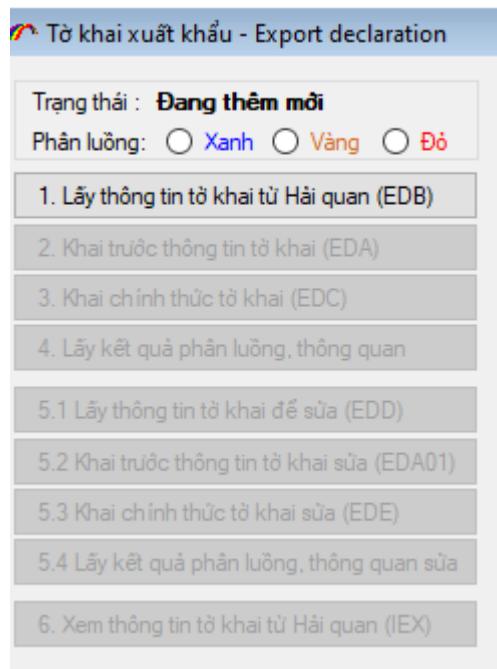
- **Lượng:** 61.2
- **Đơn vị tính:** TNE
- **Đơn giá hóa đơn:** 1250

Sau khi nhập các thông tin trên phần mềm sẽ tự động nhảy ra 76500 tại ô “Trị giá hóa đơn” khớp với invoice.

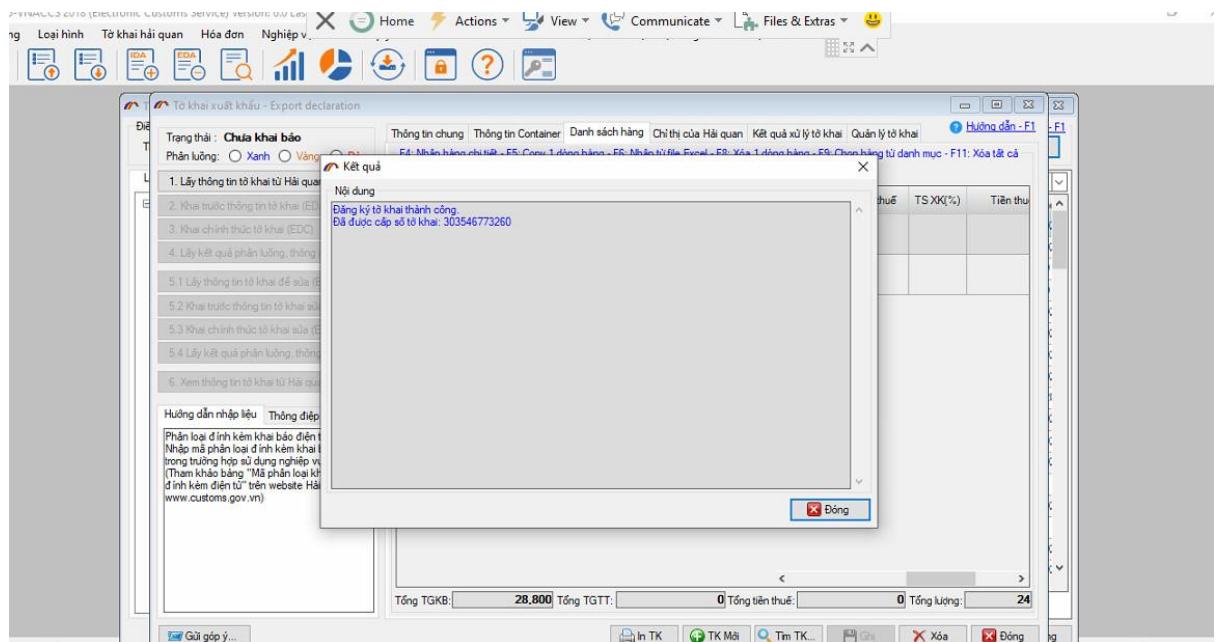
Bấm lưu để hoàn tất việc khai nhập trên phần mềm.

Bước 3: Đăng ký chính thức tờ khai với cơ quan Hải quan

Sau khi khai tờ khai nhập, nhân viên chứng từ xuất file này ra kèm theo invoice và truyền qua máy tính có cắm chữ ký số của công ty Hùng Phát bằng phần mềm Ultra Viewer. Nhân viên chứng từ bên NIS sẽ tiến hành nhập file này vào phần mềm ECUS và đăng ký số vận đơn. Khi hoàn tất, công ty Hùng Phát sẽ kiểm tra lần cuối cùng, nếu như không có sai sót, nhân viên NIS sẽ tiến hành khai báo chính thức.



Hình 3.16: Trình tự các bước khai báo trong phần mềm
(Nguồn: NIS)



Hình 3.17: Phần mềm thông báo đăng ký tờ khai thành công
(Nguồn: NIS)

<EXP>		1/3	
Tờ khai hàng hóa xuất khẩu (thông quan)			
Số tờ khai	303497293100	Số tờ khai đầu tiên	- / -
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng	1	Mã loại hình	B11 2
Mã phân loại kiểm tra	CCSGKIV	Mã số thuế đại diện	0811
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai	Ngày đăng ký 03/10/2020 10:42:44	Mã bộ phận xử lý tờ khai	02
Thời hạn tái nhập/ tái xuất	/ / -	Ngày thay đổi đăng ký	/ /
<hr/>			
<p>Người xuất khẩu Mã: 1201518548 Tên: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT TRÁI CÂY HÙNG PHÁT</p> <p>Mã bưu chính: (+84) 43 Địa chỉ: Lô 47-49-51 KCN Mỹ Tho, xã Trung An, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang</p> <p>Số điện thoại: 02873004757</p>			
<hr/>			
<p>Người ủy thác xuất khẩu Mã Tên</p>			
<hr/>			
<p>Người nhập khẩu Mã: MERCER FOODS LLC Tên:</p> <p>Mã bưu chính Địa chỉ: 1836 LAPHAM DRIVE UNITED STATES Mã nước: US</p>			
<hr/>		Mã nhân viên Hải quan	
Số vận đơn: 122000011159247 Số lượng: 6.120 CT Tổng trọng lượng hàng (Gross): 66,69 TNE Địa điểm lưu kho: 02IKR02 CT CANG PHUOC LONG 2 Địa điểm nhận hàng cuối cùng: USOAK OAKLAND - CA Địa điểm xếp hàng: VNPLT CANG ICD PHUOCLONG 3 Phương tiện vận chuyển dự kiến: 9999 YM WREATH V.016E Ngày hàng đi dự kiến: 08/10/2020 Ký hiệu và số hiệu			
Giấy phép xuất khẩu 1 2 3 4 5		Số hóa đơn A - AND.INV-000200-20 Số tiếp nhận hóa đơn điện tử Ngày phát hành 03/10/2020 Phương thức thanh toán KC Tổng trị giá hóa đơn FOB - USD - 76.500 - A Tổng trị giá tính thuế USD - 76.500 Tỷ giá tính thuế USD - 23.100 - Tổng hệ số phân bổ trị giá 76.500 -	
Phân loại không cần quy đổi VND Tổng số tiền thuế xuất khẩu Số tiền bảo lánh		Người nộp thuế 1 Mã xác định thời hạn nộp thuế D Phân loại nộp thuế A Tổng số tiền lệ phí VND	
		Tổng số trang của tờ khai 3	
Số đính kèm khai báo điện tử 1 ETC - 721414356740 Phần ghi chú HD:0705-2020 Ngày:10/07/2020 (AND.RDF 01/2020) .PTTT: T/T		Tổng số dòng hàng của tờ khai 1	
Số quản lý của nội bộ doanh nghiệp Số quản lý người sử dụng 00205			
<hr/>			
Mục thông báo của Hải quan Tên trưởng đơn vị Hải quan CCT CC HQ CK Cảng Sài Gòn khu vực IV Ngày hoàn thành kiểm tra 03/10/2020 10:42: Ngày cấp phép xuất nhập 03/10/2020 10:42: Thời hạn cho phép vận chuyển bảo thuế (khởi hành) 03/10/2020 Địa điểm Ngày đến Ngày khởi hành Thông tin trung chuyển 1 / / ~ / / 2 / / ~ / / 3 / / ~ / / Địa điểm đích cho vận chuyển bảo thuế 02IKR02 03/10/2020			

Hình 3.18: Tờ khai chính thức

(Nguồn: NIS)

3.2.2 Xử lý chứng từ xin cấp C/O form B

Lô hàng thanh long đi Mỹ nên khi tiến hành xuất khẩu hàng hóa đi Hoa Kỳ, doanh nghiệp cần phải xin C/O mẫu B, xác nhận xuất xứ hàng hóa từ Việt Nam.

Bộ hồ sơ xin C/O form B gồm những chứng từ sau:

- Đơn đề nghị cấp C/O
- Phiếu ghi chép
- Bộ C/O form B (1 bản gốc + 3 bản photo)
- Tờ khai hải quan
- Invoice
- Sales contract
- Packing list
- Bảng kê hàng hóa
- Bill of lading
- Hóa đơn giá trị gia tăng

Bước 1: Làm bảng kê hàng hóa

Sau khi khai hải quan điện tử xong, công ty Hùng Phát sẽ gửi tiếp các hóa đơn giá trị gia tăng để nhân viên chứng từ bên NIS tiếp hành làm bảng kê hàng hóa.

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG					
Liên 2 : Giao cho người mua					
Mẫu số: 01GKKT3/001 Ký hiệu: CT/18P					
Số: 0000457					
Ngày 03 tháng 9 năm 2020					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DƯƠNG CHÍ THẢO					
Mã số thuế: 1702135183					
Địa chỉ: Tổ 1, ấp 2, Xã Vĩnh Hòa Hưng Nam, Huyện Gò Quao, Tỉnh Kiên Giang					
Điện thoại: 0987 456 055 ✦ Fax:					
Số tài khoản: 070091608586 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Hậu Giang					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Sản Xuất trái cây Hùng Phát					
Mã số thuế: 1701518548					
Địa chỉ: Lô 47, 49, 51 KCN Mỹ Tho, Xã Trung An, TP Mỹ Tho, Tỉnh Giang					
Hình thức thanh toán: CK Số tài khoản:					
STT	TÊN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
Thanh Long Đỏ (Theo HP Số F20749/MB ngày 17/7/2020)					
Cộng tiền hàng: 33 000 000					
Thuế suất GTGT: <input checked="" type="checkbox"/> %, Tiền thuế GTGT: <input checked="" type="checkbox"/>					
Tổng cộng tiền thanh toán: 33 000 000					
Số tiền viết bằng chữ: Ba mươi ba triệu đồng					
Người mua hàng <i>[Signature]</i> (Ký, ghi rõ họ, tên)					
Người bán hàng (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)					
BÁN HÀNG QUA ĐIỆN THOẠI					
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					
In tại Xí nghiệp in Hồ Văn Tầu - CN Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Kiên Giang, MST: 1700110137-001, ĐT: 0297.3917576					

Hình 3.19: Hóa đơn giá trị gia tăng

(Nguồn: Công ty TNHH Sản Xuất Trái Cây Hùng Phát)

PHỤ LỤC III

BẢNG KÊ KHAI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU ĐÁT TIEU CHI "WO"
(sử dụng nguyên liệu thu mua trong nước, có hóa đơn giá trị gia tăng)

Tên Thương nhân: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT TRÁI CÂY HÙNG PHÁT
Mã số thuế: 1201518548
Tờ khai hải quan xuất khẩu số: 303497293100
Ngày: 03/10/2020

Tiêu chí áp dụng: WO
Tên hàng hóa: Thanh long đỏ đông lạnh
Mã HS của hàng hóa (6 số): 081190
Số lượng: 61,200 KGS
Trị giá (FOB): 76,500.00 USD

STT	Tên nguyên liệu	Mã HS	Nơi khai thác/mô hình sản xuất tại Việt Nam	Số lượng và Đơn vị tính	Đơn giá	Tổng trị giá	Nhà sản xuất/nhà cung cấp nguyên liệu trong nước		Hóa đơn giá trị gia tăng, Bản khai báo của nhà sản xuất/nhà cung cấp nguyên liệu trong nước	
							Tên	Địa chỉ	Số	Ngày
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	-11
1	Thanh long đỏ	8109092	Kiên Giang	5500 kg	5000	27.500.000	CÔNG TY TNHH MTV DƯƠNG CHI THẢO	Tổ 1, ấp 2, Xã Vĩnh Hòa Hưng Nam, Huyện Gò Quao, Kiên Giang	0000450	20/08/2020
2	Thanh long đỏ	8109092	Kiên Giang	6800 kg	5000	33.000.000	CÔNG TY TNHH MTV DƯƠNG CHI THẢO	Tổ 1, ấp 2, Xã Vĩnh Hòa Hưng Nam, Huyện Gò Quao, Kiên Giang	0000457	03/09/2020
3	Thanh long đỏ	8109092	Hậu Giang	17100 kg	5000	85.500.000	CÔNG TY TNHH MTV DƯƠNG THANH	Số 158, ấp Mỹ Hiệp 1, Xã Tân Tiến, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	0001077	20/08/2020
4	Thanh long đỏ	8109092	Hậu Giang	7752 kg	5000	38.760.000	CÔNG TY TNHH MTV DƯƠNG THANH	Số 158, ấp Mỹ Hiệp 1, Xã Tân Tiến, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	0001082	05/09/2020

Tiền Giang, ngày 28 tháng 09 năm 2020

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT TRÁI CÂY HÙNG PHÁT

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Hình 3.20: Bảng kê khai hàng hóa xuất khẩu

(Nguồn: NIS)

Thông tin điền:

- Tên Thương nhân:** CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT TRÁI CÂY HÙNG PHÁT
- Mã số thuế:** 1201518548
- Tờ khai hải quan xuất khẩu số:** 303497293100
- Ngày:** 03/10/2020 (ngày khai tờ khai hải quan)
- Tiêu chí áp dụng:** WO
- Tên hàng hóa:** Thanh long đỏ đông lạnh
- Mã HS của hàng hóa (6 số):** 081190
- Số lượng:** 61,200 KGS (N.W)
- Trị giá (FOB):** 76,500.00 USD
- Tên nguyên liệu:** Thanh long đỏ
- Mã HS:** 8109092
- Ngày 28 tháng 09 năm 2020 (trùng với ngày ký bill)**

Lưu ý: Tên hàng hóa và mã HS của phần thông tin bảng kê trùng với thông tin tờ khai. Tên nguyên liệu và mã HS trong bảng kê là của nguyên liệu trên hóa đơn giá trị gia tăng.

Bước 2: Khai C/O nhập

Trong lúc đợi công ty Hùng Phát gửi Bill of lading để tiến hành khai C/O chính thức trên hệ thống VCCI. Nhân viên chứng từ NIS sẽ làm trước khai nhập C/O trước trên máy tính để in lên form C/O chính thức.

		2010168509
<p>HUNG PHAT FRUITS PRODUCING COMPANY LIMITED LOT 47-49-51 MY THO INDUSTRIAL ZONE, TRUNG AN WARD, MY THO CITY, TIEN GIANG PROVINCE, VIETNAM</p>		
<p>MERCER FOODS LLC 1836 LAPHAM DRIVE, MODESTO, CA 95354, USA TEL: (209) 529-0150 FAX: (209) 529-3406</p>		<p>CHAMBER OF COMMERCE & INDUSTRY OF VIETNAM HOCHIMINH CITY BRANCH 171 Vo Thi Sau St, Ward 7, Dist 3, Ho Chi Minh City, VietNam Tel: (+84-9) 39326498 – 39325989 Email: vcci-hcm@vnn.vn Fax: (+84-8) 39325472</p>
<p>BY SEA: FROM: CALMEP, VIET NAM TO: OAKLAND, CA, USA VESSEL: YM WREATH V.016E B/L No: GDSH2010009U DATE : OCT 08th,2020</p>		
6120 CARTONS	IQF RED DRAGON FRUIT DICES 15X15MM HS CODE : 08119000	TOTAL: 6120 CARTONS N.W: 61,200.00KGS G.W: 66,690.00 KGS
<p>CUSTOMS DECLARATION FOR EXPORT COMMODITIES NO: 303497293100 /B11 (OCT 03rd,2020)</p>		
UNITED STATES OF AMERICA		
HOCHIMINH CITY, 21 SEP 2020		HOCHIMINH CITY, 21 SEP 2020

Hình 3.21: Bản khai báo C/O nhập

(Nguồn: sinh viên tự tổng hợp)

Những thông tin cần điền dựa trên Booking, Invoice, Packing list:

a. Goods consigned from (Exporter's business name, address, country):

HUNG PHAT FRUITS PRODUCING COMPANY LIMITED

LOT 47-49-51 MY THO INDUSTRIAL ZONE, TRUNG AN WARD, MY
THO CITY, TIEN GIANG PROVINCE, VIETNAM

b. Goods consigned from (Consignee's name, address, country):

MERCER FOODS LLC

1836 LAPHAM DRIVE, MODESTO, CA 95354, USA

TEL: (209) 529-0150

FAX: (209) 529-3406

c. Means of transport and route (as far as known)

BY SEA:

FROM: CAI MEP, VIET NAM

TO: OAKLAND, CA, USA

VESSEL: YM WREATH V.016E

B/L No: GDSH2010009U

DATE: OCT 08th, 2020 (Sau khi có Bill điền vào)

d. The competent authority (name, address, country)

CHAMBER OF COMMERCE & INDUSTRY OF VIETNAM
HOCHIMINH CITY BRANCH

171 Vo Thi Sau St., Ward 7, Dist. 3, Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: (+84-9) 39326498 – 39325989

Email: vcci-hcm@.hcm.vnn.vn Fax: (+84-8) 39325472

e. Marks, numbers and kind of packages; description of goods

6120 CARTONS

IQF RED DRAGON FRUIT DICES 15X15MM

HS-CODE: 08119000

CUSTOMS DECLARATION FOR EXPORT

COMMODITIES NO: 303497293100 /B11 (OCT 03rd,2020)

f. Gross weight or other quantity

TOTAL:

6120 CARTONS

N.W: 61,200.00KGS

G.W: 66,690.00 KGS

g. Number and date of invoices

AND.INV-000200-20

OCT 03rd,2020

h. Certification

HOCHIMINH CITY, 21 SEP 2020

i. Declaration by the exporter

UNITED STATES OF AMERICA

HOCHIMINH CITY, 21 SEP 2020

Bước 3: Khai chính thức C/O trên hệ thống VCCI

Khi nhận được Bill of lading từ công ty Hùng Phát, nhân viên chứng từ NIS tiến hành khai chính thức trên hệ thống VCCI và bản C/O nhập trước đó đã làm sẵn.

The screenshot shows the 'Thông tin hồ sơ' (Information about documents) tab in a software application. On the left, there's a sidebar with a tree view of document types. The main area has three tabs: 'Thông tin hồ sơ' (selected), 'Chứng từ thương mại' (Commercial documents), and 'Yêu cầu của ban bộ xử lý hồ sơ' (Requirements of the document processing department). Under 'Thông tin hồ sơ', there are sections for 'Bộ hồ sơ gồm có' (Documents included) and 'Chứng từ này' (This document). The 'Bộ hồ sơ gồm có' section contains several checkboxes for document types like 'Đơn xin cấp' (Application for issuance), 'Mẫu C/O' (C/O sample), etc. The 'Chứng từ này' section contains checkboxes for 'Không có chứng từ' (No document). Below these are two tables: 'Thông tin chung' (General information) and 'Cáp tại' (Port of discharge). The 'Thông tin chung' table includes fields for mã số thuế (tax ID), tên doanh nghiệp (company name), số C/O, số tờ khai hải quan (customs declaration number), and ngày khai hải quan (date of customs declaration). The 'Cáp tại' table includes fields for Cáp tại (Port of discharge), nước nhập khẩu (importing country), công ty nhập khẩu (importing company), tên tàu hoặc số chuyến (ship name or number), cảng bốc hàng (port of unloading), and cảng cất hàng (port of loading).

Hình 3.22: Tab “Thông tin hồ sơ”

(Nguồn: NIS)

Tích vào Bộ hồ sơ gồm có như sau:

- Đơn xin cấp
- Mẫu C/O
- Tờ khai hàng hóa xuất khẩu
- Phiếu đóng hàng (Packing list)
- Bảng kê thu mua

Những nội dung điền trong phần Thông tin chung:

- **Mã số thuế:** 1201518548
- **Tên doanh nghiệp:** CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT TRÁI CÂY HÙNG PHÁT
- **Số C/O:** 2010177779
- **Số tờ khai hải quan:** 303497293100 /B11
- **Ngày khai hải quan:** 03/10/2020
- **Số hóa đơn:** 03/10/2020
- **Số vận đơn:** GDSH2010009U
- **Hình thức vận chuyển:** Đường biển
- **Ngày phát hành CT VC:** 08/10/2020
- **Shipping Mark:** NO MARK

Hình 3.23: Tab "Thông tin hồ sơ" (tiếp theo)

(Nguồn: NIS)

Những nội dung điền trong phần “Danh mục hàng hóa”:

- Tên hàng hóa:** IQF RED DRAGON FRUIT DICES 15x15mm
- Địa chỉ nuôi/trồng/đánh bắt/thu hoạch:** Hậu Giang
- Mã HS:** 08119000
- Số lượng:** 61,200
- ĐV tính:** KGS
- Trị giá:** 76,500
- Ngoại tệ:** USD

STKX	Số hồ sơ	Ngày kê khai	Ngày CP	Trạng thái	Chứng từ	Lần cấp	Chức năng			
1 2010177779 303497293100/B11	AND INV-0002...	08/10/2020		Đã trả hồ sơ	Tổng số: 0	Cấp mới				
2 2010177005 303472126220	AND INV-0001...	06/10/2020	08/10/2020	Đã trả hồ sơ	Tổng số: 0	Cấp mới				
3 2010176961 303488301820/B11	AND INV-0001...	06/10/2020	09/10/2020	Đã trả hồ sơ	Tổng số: 0	Cấp mới				
4 2010174966 303474982700	AND INV-0001...	01/10/2020	08/10/2020	Đã trả hồ sơ	Tổng số: 0	Cấp mới				
5 2010171286 303465175330/B11	AND INV-0001...	23/09/2020	03/10/2020	Đã trả hồ sơ	Tổng số: 0	Cấp mới				
6 2010169131 303460426980	AND INV-0001...	18/09/2020	21/09/2020	Đã trả hồ sơ	Tổng số: 0	Cấp mới				
7 2010168509 303455445660/B11	AND INV-0001...	17/09/2020	21/09/2020	Đã trả hồ sơ	Tổng số: 0	Cấp mới				
8 2010163745 303437605130	AND INV-0001...	07/09/2020	10/09/2020	Đã trả hồ sơ	Tổng số: 0	Cấp mới				
9 2010163469 303429407800/B11	AND INV-0001...	07/09/2020	10/09/2020	Đã trả hồ sơ	Tổng số: 0	Cấp mới				
10 2010159390 303413993430/B11	AND INV-0001...	28/08/2020	01/09/2020	Đã trả hồ sơ	Tổng số: 0	Cấp mới				
11 2010157863 303401987100/B11	AND INV-0001...	25/08/2020	01/09/2020	Đã trả hồ sơ	Tổng số: 0	Cấp mới				
12 2010157275 303405484930/B11	AND INV-0001...	24/08/2020	01/09/2020	Đã trả hồ sơ	Tổng số: 0	Cấp mới				
13 2010134861 30332699510/B11	AND INV-0001...	14/07/2020	16/07/2020	Đã trả hồ sơ	Tổng số: 0	Cấp mới				
14 2010127318 30330422320/B11	AND INV-0001...	30/06/2020	01/07/2020	Đã trả hồ sơ	Tổng số: 0	Cấp mới				
15 2010127218 303304399650/B11	AND INV-0001...	30/06/2020	01/07/2020	Đã trả hồ sơ	Tổng số: 0	Cấp mới				
16 2010126629 303302170860/B11	AND INV-0001...	29/06/2020	01/07/2020	Đã trả hồ sơ	Tổng số: 0	Cấp mới				
17 2010126613 303302199930/B11	AND INV-0001...	29/06/2020	01/07/2020	Đã trả hồ sơ	Tổng số: 0	Cấp mới				
18 2010126659 303300348910/B11	AND INV-0001...	29/06/2020	01/07/2020	Đã trả hồ sơ	Tổng số: 0	Cấp mới				

Hình 3.24: Số C/O được cấp trên hệ thống

(Nguồn: NIS)

Sau khi đơn C/O được duyệt hệ thống, nhân viên chứng từ NIS sẽ tải đơn đăng ký C/O về máy tính và copy số C/O vào C/O nháp để tiến hành in C/O chính thức.

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP C/O			
Kính gửi Phòng thương mại và Công nghiệp Việt Nam - Tổ cấp C/O tại: CN HCM - Tổ cấp HCM			
1. Mã đơn vị:	Mẫu C/O: B	Số C/O: 2010177779	
2. Hình thức cấp Lần cấp: Cấp mới Lý do:			
3. Bộ hồ sơ gồm: <input checked="" type="checkbox"/> Đơn xin cấp <input checked="" type="checkbox"/> Mẫu C/O <input checked="" type="checkbox"/> Hóa đơn thương mại (Invoice) <input checked="" type="checkbox"/> Tờ khai hàng hóa xuất khẩu <input type="checkbox"/> Tờ khai hàng hóa nhập khẩu <input type="checkbox"/> Bản định mức tiêu hao nguyên liệu <input type="checkbox"/> C/O của nguyên liệu (bản gốc) <input checked="" type="checkbox"/> Phiếu đóng hàng (Packing list) <input type="checkbox"/> C/O bản gốc (trường hợp cấp lại) <input type="checkbox"/> Bản giải trình chuyển đổi mã số hàng hóa <input type="checkbox"/> Bản giải trình quy trình sản xuất <input type="checkbox"/> Bản giải trình ti lệ % <input type="checkbox"/> Hóa đơn VAT (bản gốc) <input checked="" type="checkbox"/> Bảng kê thu mua <input type="checkbox"/> Công văn đề nghị cấp lại <input type="checkbox"/> Các chứng từ khác <input type="checkbox"/> Vận tải đơn (Bill of Lading)			
4. Người xuất khẩu: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT TRÁI CÂY HÙNG PHÁT - Tên tiếng Anh: HUNG PHAT FRUITS PRODUCING COMPANY LIMITED - Tên viết tắt: - Địa chỉ: LÔ 47-49-51 KCN MỸ THO, XÃ TRUNG AN, TP. MỸ THO, TIỀN GIANG			
5. Công ty nhập khẩu: MERCER FOODS LLC - Địa chỉ: 1836 LAPHAM DRIVE, MODESTO, CA 95354, USA TEL: (209) 529-0150 FAX: (209) 529-3406 - Điện thoại: - Fax:			
6. Tên hàng hóa(Tiếng Anh)		7. Mã HS	8. Số lượng
IQF RED DRAGON FRUIT DICES 15X15MM		08119000	61,200 KGS
			76,500 USD
10. Số Invoice: AND.INV-000200-20 Ngày 03/10/2020		11. Nước nhập: UNITED STATES	12. Số vận đơn: GDSH2010009U Ngày 08/10/2020
14. Xác nhận CTTM đi kèm CO:		15. Số tờ khai xuất: 303497293100 /B11 Ngày 03/10/2020	
16. Địa chỉ nuôi/trồng/dánh bắt/thu hoạch: TIỀN GIANG			
17. Ghi chú của phòng Thương mại: - Người kiểm tra - Đề nghị đóng dấu <input type="checkbox"/> Duplicate <input type="checkbox"/> Certified True Copy <input type="checkbox"/> Issue Retrospectively <input type="checkbox"/> Issue Retroactively <input type="checkbox"/> Correction		18. Chúng tôi xin cam đoan những khai báo trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm. Lâm tại TIỀN GIANG, ngày 13 tháng 10 năm 2020 (Ký tên - ghi rõ chức vụ - và đóng dấu)	

Hình 3.25: Đơn đề nghị cấp C/O

(Nguồn: NIS)

1. Goods consigned from (Exporter's business name, address, country)		Reference No. 2010177779	
HUNG PHAT FRUITS PRODUCING COMPANY LIMITED LOT 47-49-51 MY THO INDUSTRIAL ZONE, TRUNG AN WARD, MY THO CITY, TIEN GIANG PROVINCE, VIETNAM		CERTIFICATE OF ORIGIN (Combined declaration and certificate) FORM B Issued in Vietnam	
2. Goods consigned to (Consignee's name, address, country)		4. Competent authority (name, address, country)	
MERCER FOODS LLC 1836 LAPHAM DRIVE, MODESTO, CA 95354, USA TEL: (209) 529-0150 FAX: (209) 529-3406		CHAMBER OF COMMERCE & INDUSTRY OF VIETNAM HOCHIMINH CITY BRANCH 171 Vo Thi Sau St, Ward 7, Dist 3, Ho Chi Minh City, VietNam Tel: (+84-9) 39326498 – 39325989 Email: vcci-hcm@hem.vnn.vn Fax: (+84-8) 39325472	
3. Means of transport and route (as far as known)		5. For official use	
BY SEA: FROM: CAI MEP, VIET NAM TO: OAKLAND, CA, USA VESSEL: YM WREATH V.016E B/L No: GDSH2010009U DATE : OCT 08 th ,2020			
6. Marks, numbers and kind of packages; description of goods		7. Gross weight or other quantity	8. Number and date of invoices
6120 IQF RED DRAGON FRUIT DICES 15X15MM CARTONS HS CODE : 08119000		TOTAL: 6120 CARTONS N.W: 61,200.00KGS G.W: 66,690.00 KGS	AND.INV-000200-20 OCT 03 rd ,2020
CUSTOMS DECLARATION FOR EXPORT COMMODITIES NO: 303497293100 /B11 (OCT 03 rd ,2020)			
9. Certification It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct.		10. Declaration by the exporter The undersigned hereby declares that the above details and statements are correct; that all the goods were produced in Vietnam and that they comply with the origin requirements specified for goods exported to UNITED STATES OF AMERICA (importing country)	
HOCHIMINH CITY, 13 OCT 2020 (Place and date, signature and stamp of certifying authority)		HOCHIMINH CITY, 13 OCT 2020 (Place and date, signature of authorised signatory)	

Hình 3.26: C/O chính thức đi nộp

(Nguồn: sinh viên tự chụp)

Sau khi đầy đủ chứng từ nhân viên chứng từ sẽ giao bộ chứng từ C/O cho nhân viên giao nhận để nộp trên VCCI.

3.2.3 Xử lý chứng từ xin cấp Phyto

Kiểm dịch thực vật (tiếng Anh là Phytosanitary) là công tác quản lý Nhà nước nhằm ngăn chặn những loài sâu, bệnh, cỏ dại nguy hiểm lây lan giữa các vùng trong nước và giữa nước ta với nước ngoài.

Với hàng xuất khẩu có liên quan hoặc có nguồn gốc thực vật, kiểm dịch là để đảm bảo không cho mầm bệnh theo hàng hóa nhập khẩu đi vào nước ta. Với hàng xuất khẩu, công việc cũng tương tự, nhưng là để chứng minh hàng đảm bảo điều kiện về kiểm dịch để xuất khẩu ra nước ngoài.

Hàng hóa có nguồn gốc thực vật như nông sản củ quả, rau, gỗ, thức ăn chăn nuôi... nhiều khả năng phải làm kiểm dịch thực vật. Để biết chính xác danh mục vật thể có thuộc diện kiểm dịch cần tra cứu thông tư 40/2012/TT/BNNPTNT.

Điều 1. Ban hành danh mục vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật (dưới đây gọi tắt là vật thể) xuất khẩu, nhập khẩu, chuyển khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập và quá cảnh Việt Nam bao gồm:
1. Thực vật
Cây và các bộ phận của cây còn sống được sử dụng làm giống hoặc sử dụng cho các mục đích khác.
2. Sản phẩm thực vật
a) Các loại củ, quả, hạt, hoa, lá, thân, cành, gốc, rễ cây;
b) Các loại tẩm, cám, khô dầu, bột, tinh bột, sợi, mùn cưa, dược liệu;
c) Cộng thuốc lá, thuốc lá sợi, thuốc lá sợi, thuốc lá điếu, xì gà, men bia, men rượu, men thức ăn chăn nuôi, chè, bông, xơ dừa, sắn lát, mây, song, tre, nứa, chiếu cói, rơm, rạ, cỏ, bèo và thực vật biển;
d) Gỗ và các sản phẩm của gỗ (trừ gỗ và các sản phẩm của gỗ có Giấy thông báo miễn kiểm dịch theo quy định);
e) Hàng thủ công mỹ nghệ có nguồn gốc thực vật;
f) Các loại bao bì đóng gói, vật liệu chèn lót, giá thể trồng cây có nguồn gốc thực vật;
g) Thức ăn chăn nuôi hoặc nguyên liệu chế biến có nguồn gốc từ thực vật;
h) Cao su mủ, nhựa cây, gôm tự nhiên, bột giấy, giấy cuộn;
3. Các loại nấm, mộc nhĩ;
4. Các loại phân hữu cơ, phân vi sinh;
5. Bột cá, phế liệu tơ tằm, kén tằm, lông, da, xương, sừng, móng và cánh kiến.
6. Các loại côn trùng, nhện, nấm bệnh, tuyền trùng, vi khuẩn, virus, phytoplasma, viroids, cỏ dại và các loại tiêu bẩn thực vật phục vụ cho công tác giám định, tập huấn, phòng trừ sinh học và nghiên cứu khoa học.
7. Phương tiện vận chuyển, sản xuất, bảo quản vật thể.

Hình 3.27: Thông tư 40/2012/TT/BNNPTNT

(Nguồn: Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn)

Mặt hàng của Hùng Phát xuất đi qua Mỹ là thanh long đỏ đông lạnh thuộc danh mục vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật (sản phẩm thực vật các loại củ, quả, hạt, hoa, lá, thân, cành, gốc, rễ cây).

Bước 1: Đăng ký kiểm dịch thực vật xuất khẩu

Nhân viên chứng từ sẽ điền thông tin vào “GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH THỰC VẬT XUẤT KHẨU” (theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT) và kèm invoice để nhân viên giao nhận tiền hành nộp hồ sơ đăng ký cho cơ quan kiểm dịch thực vật xuất khẩu Thành phố Hồ Chí Minh là Chi cục Kiểm dịch Thực vật Vùng II.

Lưu ý: Thời hạn giải quyết đăng ký kiểm dịch thực vật trong vòng 24 giờ. Vì vậy, nhân viên giao nhận cần nộp đơn trước 24 giờ tàu chạy.

Khi nộp đơn và đóng tiền với Chi cục Kiểm dịch Thực vật Vùng II hoàn thành, cán bộ chi cục sẽ gửi lại đơn với tên cán bộ phụ trách lô hàng và mã barcode dán lên đơn kèm với hóa đơn đóng tiền.

Hàng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tiền Giang, ngày.....tháng.....năm 2020

GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH THỰC VẬT XUẤT KHẨU
Kính gửi: CHI CỤC KIỂM DỊCH THỰC VẬT VÙNG II

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT TRÁI CÂY HÙNG PHÁT
Địa chỉ: Lô 47-49-51 KCN Mỹ Tho, xã Trung An, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang
Điện thoại: 027.338 54 777 Fax/E-mail: 027.338 54 777
Đề nghị quý cơ quan kiểm dịch lô hàng xuất khẩu sau:

1. Tên hàng: Thanh long đùi đông lạnh cắt 15x15MM Tên khoa học: Hylocereus costaricensis
Cơ sở sản xuất: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT TRÁI CÂY HÙNG PHÁT
Địa chỉ: Lô 47-49-51 KCN Mỹ Tho, xã Trung An, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

2. Số lượng và loại bao bì: 61200 kg / 6120 CARTON

3. Khối lượng tịnh: 61200.00 kg Khối lượng cát bì: 66,690.00 kg

4. Ký mã hiệu, số hợp đồng hoặc LC: AND.INV-000200-20

5. Phương tiện chuyên chở: đường biển

6. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT TRÁI CÂY HÙNG PHÁT
Địa chỉ: Lô 47-49-51 KCN Mỹ Tho, xã Trung An, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

7. Cửa khẩu xuất: IC*

8. Tổ chức, cá nhân nhập: O.

9. Cửa khẩu nhập: Da Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

10. Nước nhập khẩu: 28 Mai Phuoc, Phường 1, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

11. Mục đích sử dụng: Phi kiểm dịch thực vật

12. Địa điểm kiểm định: 2020/X/105110

CHI CỤC KIỂM DỊCH THỰC VẬT VÙNG II CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Mã số thuế: 0301466429
28 Mai Phuoc, Phường 1, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BIÊN LAI THU TIỀN PHÍ, LỆ PHÍ

Tên loại phí, lệ phí: Phi kiểm dịch thực vật
Liên 2: Giao cho người nộp tiền

Tên đơn vị hoặc người nộp tiền: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT TRÁI CÂY HÙNG PHÁT
Mã số thuế: 1201518548
Địa chỉ: Lô 47-49-51 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, X.Trung An, Thành phố Mỹ Tho, T.Tiền Giang, Việt Nam
Nội dung: Phi kiểm dịch thực vật
Số tiền: 777.000
Viết bằng chữ: Bảy trăm bảy mươi bảy ngàn đồng

Hình thức thanh toán:

X	15.000	HM
X	429.000	105110
X	333.000	105111

Ngày 05 tháng 10 năm 2020
Người thu tiền
(Ký, ghi rõ họ tên)
Nguyễn Thị Thanh Thúy

In tại Công ty TNHH Giấy Vì Tình Liên Sơn. Mã số thuế: 0301452921 - DT: (028) 39 100 555 - www.lienson.vn

Hình 3.28: Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật xuất khẩu và Biên lai thu tiền phí, lệ phí

(Nguồn: sinh viên tự chụp)

Bước 2: Khai Phyto nháp

Trong khi chờ nhân viên giao nhận chụp hình phiếu biên lai và đơn kiểm dịch trả về, nhân viên chứng từ sẽ bắt đầu khai phyto nháp dựa trên bill, packing list, commercial invoice. Bước này rất quan trọng sẽ giúp việc khai báo chứng thư online tránh sai sót cũng như tiết kiệm thời gian.

BỘ NÔNG NGHIỆP & PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN MINISTRY OF AGRICULTURE & RURAL DEVELOPMENT CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT PLANT PROTECTION DEPARTMENT	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc INDEPENDENCE-FREEDOM-HAPPINESS											
GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH THỰC VẬT PHYTOSANITARY CERTIFICATE												
Gửi : Cơ quan Bảo vệ thực vật nước TO : THE PLANT PROTECTION ORGANIZATION(S) OF USA		Số (No)										
DIỄN GIẢI VỀ LÔ HÀNG (DESCRIPTION OF CONSIGNMENT)												
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 50%;"> 1. Tên và địa chỉ người xuất khẩu: <small>NAME AND ADDRESS OF THE EXPORTER:</small> HUNG PHAT FRUITS PRODUCING COMPANY LIMITED LOT 47-49-51 MY THO INDUSTRIAL ZONE, TRUNG AN WARD, MY THO CITY, TIEN GIANG PROVINCE, VIETNAM. </td> <td style="width: 50%;"> 5. Nơi sản xuất: <small>PLACE OF ORIGIN:</small> SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM </td> </tr> <tr> <td colspan="2"> 6. Phương tiện chuyên chở: <small>DECLARED MEANS OF CONVEYANCE:</small> BY SEA: YM WREATH V.016E B/L NO : GDSH2010009U </td> </tr> <tr> <td colspan="2"> 7. Cửa khẩu nhập: <small>DECLARED POINT OF ENTRY:</small> OAKLAND, CA, USA </td> </tr> <tr> <td colspan="2"> 8. Tên và khối lượng sản phẩm: <small>NAME OF PRODUCE AND QUANTITY DECLARED:</small> IQF RED DRAGON FRUIT KAEW DICES 15X15MM N.W: 61,200.00 KGS; G.W: 66,690.00 KGS </td> </tr> <tr> <td colspan="2"> 9. Tên khoa học của thực vật: <small>BOTANICAL NAME OF PLANTS:</small> Hylocereus costaricensis </td> </tr> </table>			1. Tên và địa chỉ người xuất khẩu: <small>NAME AND ADDRESS OF THE EXPORTER:</small> HUNG PHAT FRUITS PRODUCING COMPANY LIMITED LOT 47-49-51 MY THO INDUSTRIAL ZONE, TRUNG AN WARD, MY THO CITY, TIEN GIANG PROVINCE, VIETNAM.	5. Nơi sản xuất: <small>PLACE OF ORIGIN:</small> SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM	6. Phương tiện chuyên chở: <small>DECLARED MEANS OF CONVEYANCE:</small> BY SEA: YM WREATH V.016E B/L NO : GDSH2010009U		7. Cửa khẩu nhập: <small>DECLARED POINT OF ENTRY:</small> OAKLAND, CA, USA		8. Tên và khối lượng sản phẩm: <small>NAME OF PRODUCE AND QUANTITY DECLARED:</small> IQF RED DRAGON FRUIT KAEW DICES 15X15MM N.W: 61,200.00 KGS; G.W: 66,690.00 KGS		9. Tên khoa học của thực vật: <small>BOTANICAL NAME OF PLANTS:</small> Hylocereus costaricensis	
1. Tên và địa chỉ người xuất khẩu: <small>NAME AND ADDRESS OF THE EXPORTER:</small> HUNG PHAT FRUITS PRODUCING COMPANY LIMITED LOT 47-49-51 MY THO INDUSTRIAL ZONE, TRUNG AN WARD, MY THO CITY, TIEN GIANG PROVINCE, VIETNAM.	5. Nơi sản xuất: <small>PLACE OF ORIGIN:</small> SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM											
6. Phương tiện chuyên chở: <small>DECLARED MEANS OF CONVEYANCE:</small> BY SEA: YM WREATH V.016E B/L NO : GDSH2010009U												
7. Cửa khẩu nhập: <small>DECLARED POINT OF ENTRY:</small> OAKLAND, CA, USA												
8. Tên và khối lượng sản phẩm: <small>NAME OF PRODUCE AND QUANTITY DECLARED:</small> IQF RED DRAGON FRUIT KAEW DICES 15X15MM N.W: 61,200.00 KGS; G.W: 66,690.00 KGS												
9. Tên khoa học của thực vật: <small>BOTANICAL NAME OF PLANTS:</small> Hylocereus costaricensis												
<p>Nay chứng nhận rằng thực vật, sản phẩm thực vật hoặc vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật khác nêu trên đã được kiểm tra và/hoặc thử nghiệm theo quy trình thích hợp và được coi là không có đối tượng kiểm dịch thực vật của nước nhập khẩu cũng như phù hợp với yêu cầu kiểm dịch thực vật hiện hành của nước nhập khẩu.</p> <p>This is to certify that the plants, plant products or other regulated articles described herein have been inspected and/or tested according to appropriate official procedures and are considered to be free from the quarantine pests, specified by the importing contracting party and to conform with the current phytosanitary requirements of the importing contracting party.</p>												
KHAI BÁO BỔ SUNG (ADDITIONAL DECLARATION) CONTAINER TO BE SET AT MINUS 24 DEGREES CELSIUS												
XỬ LÝ (DISINFESTATION AND / OR DISINFECTION TREATMENT)												
10. Ngày (DATE): <small>XXX</small>	12. Tên thuốc (hoạt chất): <small>CHEMICAL(active ingredient):</small> <small>XXX</small>	14. Thời gian và nhiệt độ: <small>DURATION AND TEMPERATURE:</small> <small>XXX</small>										
11. Phương pháp xử lý (TREATMENT): <small>XXX</small>	13. Nồng độ (CONCENTRATION): <small>XXX</small>	15. Thông tin thêm (ADDITIONAL INFORMATION): <small>XXX</small>										
16. Dấu của cơ quan <small>STAMP OF ORGANIZATION</small>	17. Nơi cấp giấy: <small>PLACE OF ISSUE</small>	19. Tên, chữ ký của cán bộ Kiểm dịch thực vật <small>có thẩm quyền</small> <small>NAME AND SIGNATURE OF AUTHORIZED OFFICER</small>										
	18. Ngày cấp: <small>DATE ISSUED</small> <small>OCT. 08 , 2020</small>											
<small>Cục Bảo vệ thực vật hoặc viên chức Kiểm dịch thực vật của Việt Nam không có trách nhiệm nào về mặt tài chính liên quan đến giấy chứng nhận này. No financial liability with respect to this certificate shall attach to Plant Protection Department of Vietnam or to any of its officers or representatives).</small>												

Hình 3.29: Phyto nháp

(Nguồn: sinh viên tự tổng hợp)

Các thông tin cần khai trên phyto nháp bao gồm:

Cơ quan bảo vệ thực vật nước (xuất khẩu): USA

- **Tên và địa chỉ người xuất khẩu:** HUNG PHAT FRUITS PRODUCING COMPANY LIMITED, LOT 47-49-51 MY THO INDUSTRIAL ZONE, TRUNG AN WARD, MY THO CITY, TIEN GIANG PROVINCE, VIETNAM.
- **Tên và địa chỉ người nhận:** MERCER FOODS LLC, 1836 LAPHAM DRIVE, MODESTO, CA 95354, USA, UNITED STATES
- **Số lượng bao bì:** 6120 CARTONS
- **Nơi sản xuất:** SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
- **Phương tiện chuyển chở:** BY SEA: YM WREATH V.016E
- **B/L NO:** GDSH2010009U
- **Cửa nhập khẩu:** OAKLAND, CA, USA
- **Tên và khối lượng sản phẩm:** IQF RED DRAGON FRUIT KAEW DICES 15X15MM
- **N.W:** 61,200.00 KGS; **G.W:** 66,690.00 KGS
- **Tên khoa học của thực vật:** Hylocereus costaricensis
- **Khai báo bô sung:** CONTAINER TO BE SET AT MINUS 24 DEGREES CELSIUS
- **Ngày cấp (ngày ký bill):** OCT. 08, 2020

Bước 3: Thực hiện khai báo chứng thư kiểm dịch thực vật

Nhân viên chứng từ cần lưu ý một số điểm sau để việc khai báo online được chính xác:

- Số đơn đăng ký (sáu số cuối trên Barcode), nếu đăng ký nhiều đơn thì lưu ý số đơn thuộc hợp đồng, hoặc bill
- Phí kiểm dịch thực vật
- Cán bộ nhận đơn đăng ký

Sau khi khai online khoảng 30 phút, bộ phận chứng từ sẽ nhận được bản nháp gửi về địa chỉ gmail lúc khai. Chi cục Kiểm dịch Khu vực vùng II chấp nhận chứng thư có chỉnh sửa nếu lúc khai thông tin bị sai

The screenshot shows a web-based declaration form titled "KHAI BÁO THÔNG TIN ĐĂNG KÝ" (Declaration of Information for Registration). The page includes a sidebar with links to documents like "Qui định KDTV một số nước", "Thông báo thêm một số mặt hàng", and "Văn bản chuyên ngành KDTV VN". A section titled "Cập nhật thông tin" lists various regulations and documents related to animal health. The main form area contains fields for "Số đăng ký kiểm dịch thực vật" (Animal Health Certificate Number), which requires a barcode upload; "Ngày đăng ký kiểm dịch" (Registration Date); and "Tên công ty tiếng Việt" (Company Name in Vietnamese). A photograph of hands holding a small plant is displayed on the left side of the form.

Hình 3.30: Form khai báo online chứng thư kiểm dịch thực vật

(Nguồn: Chi cục Kiểm dịch Thực vật Vùng II)

Đây là bản dự thảo chứng thư, Quý Doanh nghiệp không được sửa PDF hay in thêm..., nếu cần sửa thì truyền lại lần 2: (105110L2), Quý khách kiểm tra lại số ĐT: 0906933349 là đúng.

* Khi ghép đơn : Số đơn trên bản dự thảo và mã code trên đơn đăng ký phải trùng khớp. Kiểm tra thật kỹ nội dung bản dự thảo trước khi ghép đơn.

PHYTOSANITARY CERTIFICATE FOR EXPORT

Phản đối chiếu	UNITED STATES OF AMERICA USA	Số bắn cấp: (3)
Số đơn: 105110		
ledothanhuan.kdtv@gmail.com (Email đăng ký online dùng để nhận phản hồi dự thảo)		
HUNG PHAT FRUITS PRODUCING COMPANY LIMITED LOT 47-49-51 MY THO INDUSTRIAL ZONE, TRUNG AN WARD, MY THO CITY, TIEN GIANG PROVINCE, VIETNAM		SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM BY SEA: YM WREATH V.016E B/L NO : GDSH2010009U
MERCER FOODS LLC 1836 LAPHAM DRIVE, MODESTO, CA 95354, USA TEL: (209) 529-0150 FAX: (209) 529-3406		OAKLAND,CA,USA IQF RED DRAGON FRUIT DICES 15X15MM N.W: 61,200.00 KGS; G.W: 66,690.00 KGS
6120 CARTONS		
NIL		Hylocereus costaricensis
Tên hàng: Quả thanh long đông lạnh Trọng lượng: 61.200 Kgs		
Một số thông tin chỉ áp dụng đối với hàng tái xuất khẩu: Nước xuất: (SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM); Số giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật của nước xuất: (); Bản sao giấy chứng nhận: (); Bản gốc: (); Lô hàng được đóng gói: (); Lô hàng đóng gói lại: (); Lô hàng giữ nguyên bao bì gốc: (); Lô hàng có bao bì mới: (); Lô hàng được cấp chứng nhận tái xuất khẩu dựa trên bản gốc: (); Lô hàng thực hiện kiểm dịch bổ sung: ()		
CONTAINER TO BE SET AT MINUS 24 DEGREES CELSIUS		
XXX	XXX	XXX
XXX	XXX	XXX
	HO CHI MINH CITY	
Submit time: 08/10/2020 16:20:30	08/10/2020	

Phản đối chiếu

Kiểm dịch phí: **429000**; Số biên lai: **0024504**

Ngày kiểm: 05/10/2020 Cán bộ kiểm: Hương;

Phí giám sát (nếu có):

Cán bộ giám sát (nếu có):

Công ty khử trùng (nếu có):

Hình 3.31: Chứng thư gửi về email

(Nguồn: Chi cục Kiểm dịch Thực vật Vùng II)

Bước 4: Nộp bản chứng thư nháp cùng hồ sơ liên quan là Bill of lading về chi cục để đối chiếu.

Bước 5: Nhận chứng thư gốc

Sau khi được duyệt sẽ nhận được chứng thư kiểm dịch thực vật bản gốc sau khi nộp bản nháp trong vòng 2 ngày làm việc.

CHƯƠNG 4: NHẬN XÉT VÀ CÁC KHUYẾN NGHỊ

4.1 Nhận xét về quy trình

4.1.1 Những thuận lợi trong quy trình xử lý chứng từ hàng xuất tại công ty

Các hoạt động liên quan trong giao nhận hàng hóa nhập khẩu bằng đường biển tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Tân Đảo được chuẩn hóa và đồng bộ giữa các phòng ban được đánh giá hằng năm. Điều này được thể hiện rõ qua sự liên kết, phối hợp trơn tru trong quá trình xử lý hàng hóa giữa các bộ phận chuyên trách và dễ dàng khắc phục nếu có sự cố phát sinh với trách nhiệm được quy định rõ ràng cho từng phòng ban.

Cơ sở vật chất được công ty chú trọng đầu tư đáp ứng nhu cầu của từng phòng ban . Cơ cấu phòng ban được xây dựng một cách hợp lý, cũng như trong từng phòng ban chia thành những tổ đảm nhiệm một số khách hàng quan trọng sẽ thuận lợi trong việc điều tiết phân bổ, kiểm soát thực hiện quá trình thực hiện hợp đồng giao nhận. Với bộ phận chứng từ, ngoài phần mềm chuyên dụng dùng để xử lý chứng từ như Ecus, office,... thì các yếu tố về phần cứng như máy tính, tốc độ đường truyền internet,.. cũng ảnh hưởng rất nhiều với hiệu suất công việc ở phòng ban này. Bằng lanh đao đã rất quan trọng vấn đề này nên đã thuê riêng đội ngũ hệ thống thông tin bên ngoài đảm trách đảm bảo hoạt động xuyên suốt.

Công ty NIS còn sở hữu riêng đội ngũ xe cont nên rất chủ động trong việc kéo hàng từ cảng về kho của khách hàng, nhân viên lái xe cont có kinh nghiệm lâu năm trong nghề, am hiểu quy trình giao nhận, những thủ tục khi làm tại cảng. Hơn nữa, rất am hiểu những tuyến đường, hạn chế thấp nhất tình trạng kẹt xe. Công ty chủ động phân bổ số xe đầu kéo hợp lý nên dẫn đến tiết kiệm chi phí cũng như thời gian.

4.1.2 Những tồn tại và khó khăn trong quy trình xử lý chứng từ hàng xuất tại công ty

Trong nghiệp vụ khai báo hải quan, với những lô hàng quen thuộc đã áp mã HS code trước đó nên nhân viên khai báo hải quan cho lô hàng không gặp khó khăn trong việc áp mã hàng hóa. Tuy nhiên đối với những mặt hàng lần đầu thực hiện khai báo chắc chắn nhân viên khai báo sẽ gặp không ít khó khăn trong việc tra và áp mã HS code đúng.

Việc copy tờ khai cũ làm tiết kiệm thời gian khi không phải nhập thông tin đã có của các lô hàng tương tự như thông tin công ty xuất, công ty nhập, chi cục hải quan tiếp nhận ... Nhưng bên cạnh sự tiện lợi cũng gây ra một số vấn đề chủ quan như phương thức thanh toán, điều kiện thanh toán, phương thức vận chuyển,... nhân viên chứng từ không thay đổi khi bộ chứng từ mới có thay đổi những điều kiện trên. Nếu như tờ khai truyền đến hải quan xảy ra sơ xót như thế, doanh nghiệp phải làm thêm những thủ tục về sửa chữa tờ khai dẫn đến tốn thời gian, chi phí cho những thủ tục đấy.

Trong quá trình làm thủ tục, khai báo hải quan gồm nhiều hồ sơ, và cơ quan xử lý hồ sơ, thủ tục nằm ở vị trí khác nhau điều đó gây khó khăn cho nhân viên giao nhận phải đi đến các địa điểm đó. Nếu gặp một số trường hợp như chứng từ sai lệch, thiếu chứng từ, hay chứng từ không hợp lệ sẽ làm kéo dài thời gian làm thủ tục và phát sinh những chi phí không đáng có và tình trạng giao thông kém có thể dẫn đến mất thời gian cho việc thông quan lô hàng, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến công ty.

4.2 Các khuyến nghị

Trong những năm hoạt động vừa qua, NIS đã có những bước tiến thành công đáng kể cả về chiều rộng và chiều sâu. Song bên cạnh đó, NIS vẫn còn một số hạn chế khiến làm công ty chưa thể phát triển hết tiềm năng. Để khắc phục được công ty cần đưa ra những biện pháp hợp lý, khả thi để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Theo ý kiến cá nhân, tôi xin nêu ra một số giải pháp để khắc phục cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh trong những năm tiếp theo của công ty như sau:

4.2.1 Đẩy mạnh các hoạt động marketing

Với nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực giao nhận hàng hóa, NIS vẫn chưa là cái tên quen thuộc mà khách hàng khi cần sử dụng dịch vụ logistics nhắc đến. Để giải thích cho vấn đề trên là hoạt động marketing của NIS chưa được chú trọng. Tại NIS, như chúng ta có thể thấy trong cơ cấu phòng ban của công ty không có bộ phận chuyên biệt phụ trách mảng marketing. Trong tương lai để phát triển, NIS không chỉ chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ giao nhận hàng hóa mà còn nên xem xét đến mảng hoạt động marketing. Các chức năng của nhóm tiếp thị bao gồm:

- Nghiên cứu thị trường, phân tích tiềm năng, nhu cầu giao nhận hàng hóa và dự đoán triển vọng.
- Nâng cao năng lực kinh doanh phù hợp với sự thay đổi của thị trường.
- Tiếp thị và giới thiệu các dịch vụ của NIS tới các nhà máy sản xuất, khu chế xuất, công ty có nhu cầu xuất và nhập khẩu, những công ty có thể trở thành khách hàng của NIS trong tương lai.
- Nghiên cứu các đối thủ cạnh tranh để cải thiện dịch vụ đồng thời kết hợp với bộ phận kinh doanh của công ty để có thêm nhiều khách hàng.
- Xây dựng và duy trì mối quan hệ tốt giữa khách hàng, hàng tàu, ngân hàng và những đối tác liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty.
- Lập chiến lược cải thiện thương hiệu và dịch vụ của NIS.

Để thực hiện chức năng này, NIS cần phải có đội ngũ nhân viên giỏi cũng như ngân sách dành cho mảng này được lãnh đạo trực tiếp bởi nhà quản lý NIS. Đầu tiên, ban lãnh đạo NIS nên cân nhắc việc thành lập bộ phận phụ trách marketing với các chức năng và nhiệm vụ rõ ràng. Về quy mô, bộ phận này ban đầu có thể có 2-3 nhân viên. Những nhân viên sẽ hỗ trợ bộ phận sales để bán hàng. Bên cạnh đó, họ phải thực hiện công việc theo mục tiêu được đặt ra cũng như cải

thiện thương hiệu NIS trong lĩnh vực xuất nhập khẩu. Cấp quản lý cần lập chiến lược theo quý hoặc năm và cần đánh giá lại hiệu quả sau khi hoàn thành kế hoạch. Sau đó, nếu hoạt động marketing mang lại hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của công ty, ban lãnh đạo cần thiết và xem xét việc có thể mở rộng quy mô của bộ phận này.

4.2.2 Nâng cao chất lượng dịch vụ

Đối với một doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ, việc nâng cao chất lượng dịch vụ là rất khó khăn bởi khái niệm “chất lượng dịch vụ” còn rất mơ hồ, chưa có một tiêu chuẩn nào đánh giá. Trong hoạt động giao nhận hàng hóa, chất lượng của dịch vụ đem đến cho khách hàng sự tin tưởng, yên tâm là hàng hóa của mình được an toàn và đến đích đúng thời hạn với chi phí phù hợp.

NIS chỉ chiếm thị phần rất nhỏ trong thị trường giao nhận hàng hóa đa phương thức, một phần do dịch vụ chất lượng chưa cao. Một số khách hàng khi ủy thác cho NIS giao nhận một lô hàng khi gặp trực trặc đã không tiếp tục sử dụng dịch vụ của công ty. Vì vậy, việc cạnh tranh bằng chất lượng là rất cần thiết, giúp công ty bớt đi gánh nặng cạnh tranh bằng giá. Vì trong cuộc chiến về giá, NIS tự nhận thấy không thể giành lợi thế so với các công ty nước ngoài có tiềm lực về vốn.

Để tăng chất lượng dịch vụ, bộ phận Logistics của NIS có thể làm như sau để tăng chất lượng dịch vụ và khiến khách hàng hài lòng hơn:

- Tham khảo ý kiến khách hàng về các hãng tàu biển đáng tin cậy, thói quen và thủ tục cần thiết liên quan đến hải quan, hỏi giấy chứng nhận xuất xứ có thể giúp việc lưu thông hàng hóa dễ dàng hơn.
- Với hàng hóa cần xử lý cẩn thận, NIS cần kiểm tra mọi thứ và trang bị hoặc thuê thêm thiết bị cần thiết nếu cần thiết để xử lý hàng hóa tốt hơn. Chẳng hạn hàng hóa đặc biệt như hàng container treo cần yêu cầu vệ sinh cao thì cần phải chọn container sạch, các trang thiết bị làm hàng cũng nên đảm bảo để hàng được xếp lên đều, không bị nhau nát, với container hàng xá thì phải bảo đảm được độ kín nhất định, các mốc, chốt, seal an toàn để không làm thất thoát trong quá trình vận chuyển.

- Nếu khách hàng thân thiết yêu cầu bộ phận Logistics xử lý một số hàng hóa nguy hiểm mà NIS chưa có kinh nghiệm xử lý thì, bộ phận phụ trách cần xem xét năng lực của công ty xem liệu có thể xử lý những loại hàng hóa này không. Nếu không đủ năng lực xử lý hàng hóa này, công ty nên từ chối hoặc liên kết với các đối tác để cùng nhau phối hợp xử lý hàng hóa. Bởi vì, khi tiếp nhận xử lý hàng hóa ngoài khả năng của công ty có thể gặp sự cố trong quá trình vận chuyển hàng hóa đến điểm đích. Ngoài đánh mất niềm tin của khách hàng, NIS còn bị mất danh tiếng đã xây dựng trong thời gian qua.

4.2.3 Nâng cấp đội ngũ nhân viên:

Nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng để tạo nên thành công cho bất kỳ công ty nào. Tuy nhiên, tỷ lệ nhân viên nghỉ việc tại DBS rất cao đặc biệt là tại bộ phận chứng từ thủ tục hải quan, do áp lực công việc nặng. Do đó, NIS cần xem xét lại về chính sách tuyển dụng và đào tạo của mình để phù hợp hơn với tính chất công việc. Sau đây là một số việc NIS có thể làm để xây dựng một chính sách tốt hơn:

Đầu tiên, ban quản lý nên xem xét về mức lương, thường tại NIS so với mặt bằng chung để tìm hiểu xem liệu nó có phù hợp hay không. Ngoài ra, nên có các cuộc trao đổi ý kiến nhân viên định kỳ để tất cả nhân viên chia sẻ về mong muốn của họ trong công việc cũng như các vấn đề liên quan. Từ đó, các nhà quản lý có thể đưa ra một chính sách tốt hơn và hiểu thêm về nhân viên, hạn chế tối đa việc mất nguồn nhân lực do tình trạng nghỉ việc. Đặc biệt đối với các trường hợp nhân viên có năng lực muôn từ chức, ban quản trị nên xem xét và thảo luận về các điều kiện giúp họ có thể tiếp tục làm việc tại NIS với các vấn đề có thể như: tăng lương, lợi ích và điều kiện để làm việc,... Bởi vì chi phí để tuyển nhân viên mới rất cao như: chi phí sao chép quyền phần mềm, thời gian đào tạo nhân viên mới. Hơn nữa, việc thay đổi nhân viên mới cũng ảnh hưởng đến nhiều hoạt động của công ty: thông báo cho khách hàng về nhân viên mới và sẽ mất nhiều thời gian để nhân viên mới quen với văn hóa và hoạt động của công ty. Quản trị viên và nhân sự có thể xem xét:

- Năng lực và thái độ
- Thời gian để làm việc và trải nghiệm
- Nỗ lực về công việc
- Khó khăn trong công việc và có thể tìm một nhân viên khác như họ hay không
- Mức độ hoàn thành công việc

Thứ hai, tuyển dụng nhân viên một cách cẩn thận, chọn những nhân viên có đủ năng lực và tinh thần trách nhiệm cao. Mặc dù để tìm được một nhân viên giỏi và mới rất khó khăn, NIS cũng cần cẩn thận trong tuyển dụng. Đừng vì thiếu nhân viên mà tuyển dụng nhanh chóng vì sẽ mất nhiều chi phí và thời gian để đào tạo. Để tuyển được đúng người, NIS có thể thông báo cho các tờ báo, trang web của mình để thu hút thêm nhiều ứng viên. Bên cạnh đó, công ty cũng cần xây dựng quy trình tuyển dụng tốt hơn để kiểm tra kiến thức và thái độ của họ thông qua các bài kiểm tra và phỏng vấn. Không nên chọn ứng viên không phù hợp chỉ vì thiếu nhân viên.

Thứ ba là đầu tư vào đào tạo nhân viên. Để nâng cao kiến thức và năng lực của đội ngũ nhân viên, NIS đã có một khóa đào tạo 52 giờ một năm. Tuy nhiên, các khóa học này vẫn không mang lại hiệu quả thiết thực. Bên cạnh đó, NIS cần nhiều phương pháp hơn để làm cho các khóa học này hiệu quả hơn. Dưới đây là một số giải pháp mà các nhà lãnh đạo của NIS có thể sử dụng:

- Không tổ chức các lớp quá thụ động. Thay vì đào tạo bình thường giống như các lớp khác, NIS có thể tổ chức các lớp học tích cực hơn. Huấn luyện viên nên có câu hỏi hoặc phương pháp gần gũi, linh động khác làm cho các học viên nói chuyện với nhau. Ví dụ, huấn luyện viên có thể hỏi các học viên về kiến thức của họ về tiêu đề mà họ đang cần đào tạo thay vì cứ mở những lớp lý thuyết thuần theo định kỳ.
- Sau mỗi lớp đào tạo, tất cả các học viên nên làm một bài kiểm tra. Bài kiểm tra này là để kiểm tra làm thế nào các học viên hiểu về lớp học. Tuy nhiên, bài kiểm tra này chỉ để đánh giá mức độ thành công của khóa học không ảnh hưởng đến công việc của nhân viên. Sau đó, công

ty có thể có một khóa học khác và thay đổi nội dung của khóa học để phù hợp với công việc.

- NIS cũng nên quan tâm đến nội dung của các khóa đào tạo. Các khóa học này nên cập nhật kiến thức mới liên quan đến kinh doanh hoặc nâng cấp các kỹ năng để làm việc cho nhân viên.
- Hơn nữa, NIS nên khuyến khích nhân viên học một ngôn ngữ khác ngoài tiếng Anh bằng cách hỗ trợ chi phí. Ngày nay, chúng ta càng biết nhiều ngôn ngữ, chúng ta càng có nhiều khách hàng và mối quan hệ thân thiết.

KẾT LUẬN

Với xu thế toàn cầu hóa hiện nay, vận tải hàng hóa quốc tế với nhiều hình thức khác nhau bằng đường biển ngày càng tỏ ra những ưu thế của nó so với các phương thức vận tải khác. Khi thương mại quốc tế ngày càng mở rộng và phát triển thì cũng là lúc ngành vận tải đường biển đi vào giai đoạn tăng trưởng mạnh. Việt Nam cũng không nằm ngoài luồng gió này song song với Hiệp định thương mại tự do với 28 nước thành viên thuộc liên minh châu Âu đã mở rộng quan hệ của nước ta giao lưu với tất cả các lục địa trên thế giới, các trung tâm kinh tế lớn một cách dễ dàng và nhanh chóng. Những công ty Forwarder đóng vai trò quan trọng để cho luồng hàng hóa từ các nước được luận chuyển phục vụ công việc giao thương giữa các nước. Công ty TNHH Tân Đảo với những lợi thế về kinh nghiệm cũng như uy tín được gầy từ lúc thành lập công ty đã nhanh chóng có được chỗ đứng nhất định giữa muôn vàn các công ty giao nhận đã và mới thành lập. Để khai thác tốt lĩnh vực này, các công ty giao nhận nói chung và Công ty TNHH Tân Đảo nói riêng cần nỗ lực hơn nữa trong việc khai thác tư vấn cho khách hàng những lợi ích của vận tải đường biển đối với những mặt hàng có giá trị cao, mặt hàng tươi sống, hàng nguy hiểm... Từ đó không những khai thác tốt vận tải đường biển ở nước ta mà còn tạo điều kiện cho hoạt động Ngoại thương phát triển hơn nữa. Có thể nói Ngoại thương luôn là lĩnh vực kinh tế được đưa lên hàng đầu trong xu thế hội nhập, là chìa khóa cho sự phát triển kinh tế của một quốc gia, nhất là đối với nước ta trong năm nay đạt được mức xuất siêu kỷ lục đạt 19,42 tỷ USD.

Quá trình thực tập tại Công ty TNHH Tân Đảo đã giúp tôi chủ động nâng cao kiến thức, học hỏi được rất nhiều điều từ cách ứng xử cũng như cách làm việc, đồng thời tích lũy được những kinh nghiệm quý báu cho bản thân, thấy được sự khác biệt giữa việc học ở trường và việc đi làm thực tế. Tôi đã hoàn thành tốt những mục tiêu bản thân đề ra và đã trang bị được những kỹ năng, kinh nghiệm cũng như năng lực để phù hợp với những đòi hỏi tuyển dụng của các doanh nghiệp. Một lần nữa tôi xin cảm ơn các thầy cô trường Đại học Hoa Sen đã hướng dẫn tôi tận tình trong việc làm báo cáo, cũng như cảm ơn quý Công ty TNHH Tân Đảo đã tạo một môi trường làm việc chuyên nghiệp và năng động để tôi có thể phát huy

khả năng của mình. Tôi hy vọng nhận được những góp ý quý báu của các thầy cô và các anh chị để báo cáo thực tập tốt nghiệp được hoàn thiện hơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- A.Cook, T., Alston, R., & Raia, K. (2012). *Mastering Import & Export Management*. New York: New York: American Management Association.
- NISVN. (n.d.). *About us*. Retrieved from Công ty TNHH New Island : <http://nisvn.com/vn/About-Us-7>
- Oanh, H. T. (2014). *Giáo Trình Kinh Doanh Thương Mại Quốc Tế 2014*. Nhà xuất bản Lao Động - Xã Hội.
- SEGVietnam. (2020, 11 29). *Lệnh Cấp Container Rỗng Là Gì, Quy Trình Như Thế Nào?* Retrieved from SEG Việt Nam: <https://segvn.org/lenh-cap-container-rong-la-gi/>
- SONGANHLOGS. (2014, 07 21). *Closing time là gì*. Retrieved from Song Ánh Logistics: <https://songanhlogs.com/closing-time-la-gi.html>
- SONGANHLOGS. (2014, 08 17). *Freetime là gì*. Retrieved from Song Ánh Logistics: <https://songanhlogs.com/freetime-la-gi.html>
- SONGANHLOGS. (2017, 03 16). *Hợp Đồng Ngoại Thương (International Trade Contracts) Nội dung & soạn thảo*. Retrieved from Song Ánh Logistics: <https://songanhlogs.com/hop-dong-ngoai-thuong-international-trade-contracts-noi-dung-soan-thao.html>
- SONGANHLOGS. (2018, 04 04). *DEM, DET, Storage Là Gì? Phí Lưu Container Demurrage, Detention*. Retrieved from Song Ánh Logistics: <https://songanhlogs.com/dem-va-det-la-gi-demurrage-detention.html>
- SONGANHLOGS. (2018, 08 31). *Packing List Là Gì Trong Xuất Nhập Khẩu – Mẫu Phiếu Đóng Gói*. Retrieved from Song Ánh Logistics: <https://songanhlogs.com/packing-list-la-gi-trong-xuat-nhap-khau.html>
- SONGANHLOGS. (2018, 12 15). *Vận Đơn Là Gì? Chức Năng, Tác Dụng & Phân Loại B/L Đường Biển*. Retrieved from Song Ánh Logistics: [https://songanhlogs.com/van-don-la-gi-chuc-nang-tac-dung-phan-loai-bl-duong-bien.html](#)

<https://songanhlogs.com/van-don-duong-bien-va-phan-loai-van-don-ocean-bill-of-lading.html>

Tê, P. T. (2016). *Incoterms 2010 (song ngữ Việt – Anh)*. Nhà Xuất Bản Thông Tin Và Truyền Thông.

Việt, V. H. (2018, 07 24). *Commercial Invoice là gì?* Retrieved from Container Transportation: <https://www.container-transportation.com/commercial-invoice-la-gi.html>

Việt, V. H. (2018, 04 05). *Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa - C/O*. Retrieved from Container Transportation: <https://www.container-transportation.com/giay-chung-nhan-xuat-xu.html>

Vinalogs. (2014, 02 22). *Kiểm dịch thực vật*. Retrieved from Container Transportation: <https://www.container-transportation.com/kiem-dich-thuc-vat.html>

Vinalogs. (2020, 08 20). *Tờ khai hải quan là gì? Cách ghi tiêu thúc trong tờ khai hải quan*. Retrieved from dichvulogistics.vn: <https://dichvulogistics.vn/ve-cac-dich-vu-logistics/thu-tuc-xuat-nhap-khau/to-khai-hai-quan-la-gi-cach-ghi-tieu-thuc-trong-to-khai-hai-quan/>